

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 373, NĂM THỨ 30

NGÀY 1 THÁNG 8-2025



Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

BÌNH ANSON

CHÂN ĐẠI LƯỢNG

MINH HÒA

NHÂN CA

TÂM KHÔNG

TÂM TUỆ TĨNH

TUỆ VIÊN

Cộng Tác:

CHÍNH HẠNH

HÀN TRÚC

HỒNG DƯƠNG

MINH CHÁNH

MINH ĐỨC

TRẦN TRUNG ĐẠO

Kỹ Thuật:

MINH HÒA

NHÂN CA

Mục Lục

<u>Hàng ngày tu học</u>	BBT	3
<u>Thiền định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 419 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	11
<u>Hư Hư Lục: Ca Lưu Đà Di</u>	Thích Nữ Như Thủy	11
<u>Sáng Tạo là con đường thi sĩ</u>	Tâm Nhiên	13
<u>Vì sao Th. Vì Kinh Phật phải xa lìa AI</u>	Nguyễn Giác dịch	18
<u>Giới thiệu Nguyên Giác Phan Tấn Hải</u>	Theo TV Hoa Sen	30
<u>Thơ: Đêm nguyệt tinh</u>	Tuệ Nga	31
<u>Thơ: Tình như sóng vỗ</u>	Tuệ Nguyên	31

Tranh bìa

Hoa Sen

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài
đăng trong**

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoằng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Hàng ngày tu học

Mỗi Phật tử chúng ta là con của Phật, đi theo con đường của Phật, để tu tập trước nhất là để trở thành người tốt, biết làm theo lời Phật dạy: Không nghĩ những điều quấy, ác; không làm những việc ác cùng không nói những lời hung ác.

Như thế là chúng ta tránh làm những điều ác từ thân, khẩu, ý. Chẳng những chúng ta tránh làm điều ác mà còn phải luôn nghĩ, nói, làm những việc lành có lợi ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Con người hầu hết đều làm những điều xấu, ác. Cho nên phải sanh lại trong luân hồi để trả cái nghiệp xấu của mình, nghiệp xấu ấy gồm cả sự việc xảy ra do cố ý hoặc vô tình đều gây nên nghiệp nhân thì phải chịu nghiệp quả. Nếu người ta làm xấu thì phải chịu quả xấu, nhưng những bậc chân tu, người ta còn tránh cả việc cố ý làm điều tốt, điều thiện vì có nghiệp nhân phải nhận nghiệp quả.

Những bậc chân tu, người ta phải tu tâm cần mật, để cho tâm thanh tịnh thì thân sẽ làm những việc lành do cái tâm phát sinh ra.

Những bậc chân tu, người ta phải giữ cái tâm mình cho luôn được thanh tịnh như chúng ta vừa biết qua, cho nên người Phật tử muốn được tinh tấn không phải chỉ tu tập hàng ngày mà còn phải hàng phút hàng giây.

Cái tâm luôn chịu ảnh hưởng của môi trường sống, cho nên nếu một người sống cạnh người tốt sẽ có ảnh hưởng tốt, sống cạnh người không tốt sẽ bị ảnh hưởng không tốt. Biết như thế để chúng ta tìm bạn mà giao tiếp.

Đương nhiên sống trong xã hội luôn có người tốt và kẻ xấu, chúng ta hãy chịu khó quan sát để rút ra những kinh nghiệm sống, để trở thành người tốt, không những có lợi ích cho bản thân, cho gia đình, cho xã hội mình đang sống.

Tùy duyên, có người thích tu tập theo Thiền định, có người thích theo phương pháp niệm Phật, chúng tôi nghĩ không có cái nào cao, cái nào thấp chỉ có người tu thích pháp môn này hoặc pháp môn kia mà thôi. Đó cũng là cái duyên hay cái nghiệp của mỗi người.

Sự quan trọng không phải chỉ là chuyên cần mà còn phải cộng thêm sự quyết tâm, bởi vì có người chuyên cần nhưng kết quả đến chậm nên sanh ra chán nản, lười biếng. Lười biếng thì không bao giờ có được kết quả tốt đẹp.

Người niệm Phật, họ dùng tràng hạt để đo lường thời gian niệm Phật nhiều ít, người tu thiền có khi người ta đếm hơi thở để biết mình ngồi lâu hay mau.

Xác thân người tu cũng như ý chí đều quan trọng như nhau, xác thân phải có đủ sức chịu đựng, nhưng ý chí hay sự quyết tâm cũng quan trọng không kém, tâm của người tu tập lơ là thì kết quả đương nhiên ai cũng biết sẽ không đạt được điều tốt đẹp. Còn người có quyết tâm chắc chắn sẽ dễ đạt kết quả hơn.

Mong mọi người tu học đều giữ được tâm mình phải tu học hàng ngày hôm nay cũng như hôm qua, luôn siêng năng và nhất là tinh tấn.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh

Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita

Hoang Phong chuyển ngữ

Chương VIII

Đức Phật và người bồ-tát - vĩnh cửu và thời gian

Bài 50 - Đức Phật và người bồ-tát - vĩnh cửu và thời gian

Bài 51 - Con đường đúng đắn

Bài 52 - Spinoza và Thượng đế; không gian và thời gian

Bài 53 - Nirmanakaya hay Thân xác sáng tạo

Bài 54 - Ngũ Phật và Sambhogakaya

Bài 55 - Bản chất của Dharmakaya trong Kinh Hoa Sen

Bài 56 - Lãnh vực vô biên và khung cảnh tạm thời.

Bài 56 Lãnh vực vô biên và khung cảnh tạm thời

Nếu kết quả cuối cùng mang lại từ việc tu tập là một vị Phật, thì trước đó cũng phải có một sự thăng tiến ở thể dạng một vị bồ-tát. Do vậy chúng ta có hai nguyên tắc [tu tập] : nguyên tắc thứ nhất là Phật tính (buddhahood) mang kích thước vô tận, nguyên tắc thứ hai là "bồ-tát tính" hay "bản-thể bồ-tát" (bodhisattvahood) thuộc khung cảnh thời gian : một mang tính cách siêu nhiên (*một vị Phật*), một mang tính cách tự tại (nội tại / immanent) (*một vị bồ-tát*) ; một biểu trưng cho sự hoàn hảo tròn đầy được thực hiện một cách vô tận (*một vị Phật*), một biểu trưng cho sự hoàn hảo của một quá trình thực hiện kéo dài bất tận (*một vị bồ-tát*). Thế nhưng nguyên tắc này không đưa

đến nguyên tắc kia ; giữa hai nguyên tắc đó là một sự đứt đoạn.

Vậy có phải điều đó là một sự bế tắc hay không ? (*một vị Phật biểu trưng cho sự vĩnh cửu vượt lên trên các kích thước thời gian, trong khi đó người bồ-tát vẫn tiếp tục là một người bồ-tát cho đến vô tận, vì thế phải chăng người bồ-tát sẽ chẳng bao giờ trở thành một vị Phật ?*) Đối với Đại thừa và nhất là Tantra thừa thì nhất định điều đó không thể xảy ra (*đối với các tông phái và học phái này thì tu tập là nhằm vào mục đích trở thành Phật, không phải là để mãi mãi làm người bồ-tát*). Thế nhưng không có một giải pháp nào là dễ dàng cả (*hầu giúp mình biến thời gian tự tại của người bồ-tát trở thành thời gian vô tận của một vị Phật*). Không phải chỉ cần nghĩ rằng "thời gian là hư ảo để hòa tan nó vào bên trong vô tận", hoặc "vô tận là hư ảo để hoà tan nó vào bên trong thời gian". Thứ này hoặc là thứ kia, không thể nào rút ngắn hay đơn giản hóa chúng [để biến chúng trở thành một thứ]. Theo Tantra thừa thì phải thực thi cả hai cùng một lúc. Chúng ta phải nhìn vào tất cả mọi sự như đã được thực hiện vĩnh cửu, nhưng đồng thời cũng [là một quá trình] đang được thực hiện một cách bất tận. Đức Phật ngồi vô tận dưới cội bồ đề ; Ngài từng ngồi xuống nơi ấy và Ngài vẫn còn ngồi nguyên tại nơi ấy. Trong khi đó người bồ-tát không ngừng luyện tập Sự hoàn hảo (*Paramita / Ba-la-mật*), hết kiếp sống này sang kiếp sống khác, cho đến vô tận, nếu có thể nói như vậy. Đức Phật và người

bồ-tát biểu trưng cho hai thể dạng của một hiện thực duy nhất. Chính sự nhận thức đó sẽ góp phần đưa đến sự hiển lộ của Tâm thức giác ngộ (Bodhicitta / Bồ-đề tâm) tuyệt đối, cho đến khi nào chưa khám phá ra một giải pháp khác hơn.

Bản thể của Tâm thức giác ngộ (Bồ-đề tâm) tuyệt đối được diễn tả qua các vần thơ tuyệt đẹp nêu lên trong một phép tu tập của Phật giáo Tây Tạng gọi là "Người đánh lừa địa ngục" hay "Kẻ chiến thắng địa ngục". Cách gọi "Kẻ thách đố địa ngục" cũng là một trong các danh hiệu của người Vajrasattva (có nghĩa là "người tu tập theo Kim cương thừa", chữ này tương đương với chữ bodhisattva / bồ-tát, là danh hiệu của những người tu tập theo Đại thừa nói chung. Tiền ngữ vajra trong chữ vajrasattva có nghĩa là Kim cương, hậu ngữ sattva có nghĩa là chúng sinh). Các câu thơ này nói lên một sáng kiến (một phát minh, một phương tiện) rất hữu hiệu trong việc tu tập, tất nhiên là cho đến khi nào chưa có một sáng kiến nào khác hơn.

"E MA HO" là một mantra (một câu tụng hay câu niệm, tiền ngữ "mana" của chữ mantra trong tiếng Phạn có nghĩa là tâm thần, chữ "tra" có nghĩa là che chở, mantra là một câu tụng che chở tâm thức mình), đôi khi cũng có thể xướng lên thật nhanh gần như là một tiếng thốt (exclamation) duy nhất nói lên một sự kinh ngạc. Câu mantra này thường được đặt trước các câu thơ theo truyền thống thì phú Tây Tạng (các chữ O MA HO có thể tạm dịch sang tiếng Việt là : "Ồ ! Trông kìa !" hay "Ồ ! Tuyệt vời thay !", nhằm biểu lộ sự kinh ngạc và thần phục của mình trước một sự kiện, một sự khám phá hay một sự hiểu biết phi thường và huyền diệu nào đó). Platon (triết gia Hy Lạp, thế kỷ thứ IV và thứ III trước Tây lịch) từng cho

biết ý nghĩa đầu tiên nhất của triết học là sự kinh ngạc, nói lên một sự thần phục to lớn (một sự khám phá mới lạ và kinh ngạc trên phương diện hiểu biết). Khi tiếp cận được một cái gì đó siêu nhiên vượt lên trên chính mình, khiến mình phải thần phục, thì tất mình sẽ khó tránh khỏi thốt lên sự kinh ngạc và sững sốt. Mỗi câu thơ đều bắt đầu bằng lời thốt lên đó như là một cách nói lên sự thần phục trước một sự hiển hiện mang tính cách quán thấy nào đó, chẳng hạn như quán thấy Tâm thức giác ngộ (Bồ-đề tâm) tuyệt đối đang hiện lên với mình. Dưới đây là các tiết thơ đó :

*E MA HO - Ồ ! Trông kìa !
Lạ lùng và tuyệt vời thay, Dharma !
Một cái gì đó huyền bí và sâu xa nhất nơi
những vị Giác ngộ vẹn toàn.
Bên trong cõi vô-sinh tất cả mọi thứ đều
sinh ra,
Thế nhưng những gì sinh ra không hề biết
đến sự sinh là gì.*

*E MA HO - Ồ ! Trông kìa !
Lạ lùng và tuyệt vời thay, Dharma !
Một cái gì đó huyền bí và sâu xa nhất nơi
những vị Giác ngộ vẹn toàn.
Trong sự không-chấm-dứt, tất cả đều chấm
dứt,
Thế nhưng sự chấm dứt đó không hề biết
đến sự chấm dứt là gì.*

*E MA HO - Ồ ! Trông kìa !
Lạ lùng và tuyệt vời thay, Dharma !
Một cái gì đó huyền bí và sâu xa nhất nơi
những vị Giác ngộ vẹn toàn.
Trong sự phi-an-trú tất cả đều an-trú,
Thế nhưng trong sự an-trú đó chỉ là phi-an-trú.*

*E MA HO - Ồ ! Trông kìa !
Lạ lùng và tuyệt vời thay, Dharma !*

Một cái gì đó huyền bí và sâu xa nhất nơi
những vị Giác ngộ vẹn toàn.
Trong sự phi-cảm-nhận tất cả mọi thứ đều
được cảm-nhận,
Thế nhưng trong sự cảm-nhận đó, gần như
tất cả chỉ là phi-cảm-nhận.

E MA HO - Ô ! Trông kìa !
Lạ lùng và tuyệt vời thay, Dharma !
Một cái gì đó huyền bí và sâu xa nhất nơi
những vị Giác ngộ vẹn toàn.
Trong sự phi-chuyển-động, tất cả mọi thứ
đều đến và ra đi,
Thế nhưng bên trong sự chuyển-động đó chỉ
là phi-chuyển-động.

(Theo dịch giả trong bản dịch tiếng
Pháp thì các câu thơ trên đây là do nhà sư
Sangharakshita dịch lại từ một sadhana Đại
thừa của riêng ông. Sadhana là tiếng Phạn
và tiếng Pali có nghĩa là gia tài, phương tiện
hay phương pháp giúp đưa đến một sự thực
hiện nào đó, do vậy cũng có thể hiểu như là
một gia tài truyền thụ giữa thầy và đệ tử.
Trong một quyển sách của Đức Đạt-lai Lạt-
ma mang tựa "Tâm điểm của thiền
định" / Le Cœur de la Méditation - cũng
có nêu lên tiếng thốt giác ngộ trên đây trong
một bài thơ của nhà sư Dza Patrul Jigme
Chokyi Wangpo. Độc giả có thể xem cách
giải thích của Đức Đạt-lai Lạt-ma về bài thơ
này trong Phần IV của quyển sách trên đây,
hoặc cũng có thể xem thẳng bài thơ này
trong phân phụ lục theo địa chỉ liên kết :
<https://thuvienhoasen.org/p30a29195/phu-luc>)

Các câu thơ trên đây nói lên bản thể
của Tâm thức giác ngộ (Bồ-đề tâm) tuyệt
đối, tất nhiên là cho đến khi nào chưa có một
cách diễn đạt nào khác hơn. Đây là cách gộp
chung qua một tầm nhìn duy nhất - một hình
thức hòa lẫn nào đó nhưng không hề xảy ra

sự lẫn lộn - giữa hiện thực hiện hữu "bên
ngoài thời gian" thuộc lãnh vực "vô tận" và
hiện thực dưới hình thức một sự "thăng tiến"
tuần tự "trong khung cảnh thời gian".

Thật hết sức khó vượt xa hơn điểm
đó (điều đó, cấp bậc đó, cách mô tả đó) hay
đạt được nó (thực hiện được nó), kể cả bằng
cách tưởng tượng (sự Giác ngộ rất khó mô
tả hay hình dung). Thế nhưng điều đó không
có nghĩa là Tâm thức giác ngộ (Bồ-đề tâm)
khó xảy ra và quá đổi xa lạ, khiến chúng ta
không làm hiển hiện được nó, ít nhất ở một
cấp bậc nào đó, trong việc tu tập của mình.
Trước hết phải ý thức được là dù cho thời
gian có mênh mông và kéo dài đến đâu đi
nữa, thì nó cũng sẽ chẳng bao giờ đạt được
vô tận. Thời gian không thể đi xa hơn thời
gian được, nó chỉ có thể kéo dài và tiếp tục
kéo dài thế thôi (thời gian luôn là thời gian
không thể trở thành vô tận được). Vì vậy
vấn đề tiếp cận với sự tuyệt đối hay Bồ-đề
tâm không hề đặt ra [trong khung cảnh thời
gian], chẳng qua là vì Bồ-đề tâm thuộc lãnh
vực vĩnh cửu. Trong một triệu năm nữa,
chúng ta cũng sẽ không thể tiến đến gần hơn
với vô tận hay sự Giác ngộ bằng chính lúc
này trong thời điểm hiện tại này của chúng
ta.

Dầu sao thì điều đó cũng không hẳn
là một sự tuyệt vọng. Chúng ta có thể nhìn
vào nó theo một hướng ngược lại bằng cách
tự nhủ là chưa bao giờ mình lại tiến đến gần
hơn với sự Giác ngộ như trong thời điểm
này của chính mình. Kể cả một vị bồ-tát
đang đứng trước ngưỡng cửa Giác ngộ cũng
không thể gần hơn so với mình đang trong
lúc này. Mỗi giây phút đều là giây phút cuối
cùng, dù đó là giây phút trong hiện tại này,
hay giây phút tiếp theo sau đó, kể cả giây
phút sẽ xảy ra qua hàng triệu năm sau đó.
Sau giây phút cuối cùng đó, duy nhất chỉ

còn lại Buddhatva (Buddhabhava / Buddhahood / Phật tính). Vì vậy, trong từng giây phút một, dù không nghĩ đến nó hoặc nhận biết được nó một cách rõ rệt, thì điều đó đều tạo ra cho mình một sự kinh ngạc thật kinh hoàng ! Chúng ta vụt nhận thấy mình đang ở tột đỉnh của chiếc cột treo giải thưởng, và tất cả những gì mà mình còn phải làm là... Vậy việc đó là gì ? *(không nhảy xuống được, cũng không tìm được một chỗ bằng phẳng nào để bám vào đó, những gì cần phải làm trong giây phút đó là một sự buông bỏ, một sự dừng lại hoàn toàn, một sự chấm dứt cuối cùng. Độc giả có thể xem lại bài 50 mang tựa "Đức Phật và người bỏ-tát - vĩnh cửu và thời gian". Trong bài này có mô tả tình trạng người bỏ-tát trèo lên đến đỉnh chiếc cột treo giải thưởng)*

Chúng ta đã đi trọn con đường. Chúng ta đạt được mức đến trên con đường của người bỏ-tát, ít nhất cũng bằng cách tưởng tượng. Thế nhưng đồng thời chúng ta cũng cảm thấy là mình chưa hề cất bước. Mục đích của cuộc hành trình đã đạt được từ vô tận, thế nhưng đồng thời cũng đang được thực hiện một cách vô tận. Đức Phật hay Tâm thức giác ngộ, vô tận và thời gian, cả hai chỉ là một, không hề là hai thứ. Sự quán thấy đó chính là điểm chấm dứt, và cũng có thể là điểm khởi hành trên con đường khám phá ra lý tưởng của người bỏ-tát.

Bures-Sur-Yvette, 14.03.22

Hoang Phong chuyển ngữ

VÀI LỜI GHI CHÚ CUỐI SÁCH
của người chuyển ngữ

Điểm độc đáo và nổi bật nhất trong quyển sách *Lý tưởng của người bỏ-tát* của nhà sư Sangharakshita là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành cũng như sự dung hòa giữa các xu hướng đa dạng và dị biệt của tất cả các tông phái và học phái. Lý tưởng của người bỏ-tát được nêu cao như là một biểu tượng đại diện cho toàn thể Phật giáo.

Theo nhà sư Sangharakshita thì Ananda, người đệ tử thân cận bên cạnh Đức Phật, luôn chăm lo cho Đức Phật, là vị "bỏ-tát" đầu tiên biểu trưng cho lý tưởng đó. Thật vậy Ananda không hề nghĩ đến sự giác ngộ cho cá nhân mình, mà chỉ một lòng xả thân vì Dharma và Đức Phật. Sau khi Đức Phật tịch diệt thì khi đó Ananda mới thật sự rút lui, dồn tất cả nghị lực đề tu tập để đạt được thể dạng A-la-hán hầu hội đủ điều kiện tham dự kỳ kết tập Đạo Pháp lần thứ nhất. Nhà sư Sangharakshita cho rằng con đường của người tỳ-kheo Theravada khi "bước vào dòng chảy" đưa mình đến thể dạng A-la-hán cũng tương tự như con đường của người bỏ-tát Đại thừa mở rộng lòng vị tha giúp mình thực hiện "Tâm thức giác ngộ" (Bodhicitta / Bồ-đề tâm). Dù tên gọi khác nhau, thế nhưng hai con đường đó thật ra chỉ là một.

Ngoài ra các ý niệm song đôi hoặc tương phản cũng như các phương pháp tu tập đa dạng, tất cả đều được nhà sư Sangharakshita nêu lên và giải thích thật minh bạch. Chẳng hạn như Trí tuệ (*Prajna*) và lòng Từ bi (*Karuna*) là hai đường hướng tu tập tương phản nhau, thế nhưng thật ra chỉ là một "cặp bài trùng" không thể tách rời nhau. Trí tuệ là cách nhìn vào bên trong chính mình để trau dồi và phát huy sự hiểu biết, từ bi trái lại là cách nhìn vào kẻ khác, hy sinh vì kẻ khác. Thế nhưng hai phép tu tập đó không mang tính cách đối cực mà là một sự bổ khuyết : không có trí tuệ thì

không thể phát động được lòng từ bi, thiếu từ bi thì không sao phát huy được trí tuệ. Sự tương kết giữa trí tuệ và từ bi là động cơ chủ yếu giúp người tu tập phát huy Tâm thức giác ngộ (Bodhicitta / Bồ-đề tâm), và đồng thời Tâm thức giác ngộ, ở thể dạng hoàn hảo và tròn đầy của nó, lại là một sự cảm nhận phi-cá-nhân, có nghĩa là vượt lên trên trí tuệ và cả lòng từ bi.

Ngoài ra cũng có các phẩm tính song đôi khác, chẳng hạn như Đạo đức (*Sila*) và Bố thí (*Dana*) : đạo đức là để biến cải chính mình, bố thí là để hướng vào kẻ khác ; Nhẫn nhục (*Kshanti*) và Nghị lực (*Virya*) : nhẫn nhục là sức mạnh nội tâm, nghị lực là sức mạnh đương đầu với các cảnh huống bên ngoài ; Thiền định (*Dhyana*) và Trí tuệ (*Prajna*) : thiền định là cách trở về với con người của mình, trí tuệ là cách giúp mình nhìn vào hiện thực. Các phẩm tính "song đôi" vừa đối cực vừa bổ khuyết là các phẩm tính căn bản trong phép tu tập của Phật giáo Theravada, thế nhưng đồng thời cũng được gộp chung trong sáu phép tu tập của Đại thừa gọi là Paramita (Ba-la-mật / sự Hoàn hảo).

Sự kết hợp hài hòa giữa các ý niệm và các phép tu tập đa dạng trên đây còn được mở rộng hơn nữa, bao trùm toàn thể các "xu hướng" và "giáo lý" dị biệt giữa các học phái, tông phái Phật giáo, và cả các luồng tư tưởng và văn hóa từ Đông sang Tây. Sự kết nạp hài hòa và rộng lớn đó là "kim chỉ nam" hay "tiền đề" của toàn bộ quyền sách, và đồng thời cũng cho thấy sự uyên bác và khả năng tổng hợp của nhà sư Sangharakshita về toàn bộ nền tư tưởng phong phú và sâu sắc của Phật giáo. Nói chung nhà sư này đã kết hợp được cả hai khía cạnh của Dharma : trí tuệ và sự sùng kính. Trí tuệ là sự hiểu biết, sự sùng kính là

lòng nhiệt tâm. Thật vậy đôi khi chúng ta thấy có những người rất uyên bác, thao thao bất tuyệt, nhưng không hề nghĩ đến việc tu tập để biến cải chính mình, trái lại có những người chỉ loanh quanh với các việc thực nghi lễ, nhưng không hề nghĩ đến là phải phát huy trí tuệ hầu mang lại cho mình sự giải thoát. Phối hợp được cả hai khía cạnh đó thật hết sức cần thiết đối với một người bước theo con đường Phật giáo.

Ngoài sự tổng hợp thật tài tình trên đây thì dường như không thấy nhà sư Sangharakshita giải thích và triển khai rộng rãi về hai khái niệm vô cùng quan trọng và căn bản của Dharma là Nguyên lý tương liên, tương tác và tương tạo giữa mọi hiện tượng (Patīccasamuppāda / pratītyasamutpāda) và khái niệm về sự Trống không (suññatā / śūnyatā) về cái tôi và cả hiện thực. Thấu triệt được hai khái niệm này trong Dharma thật căn bản và chủ yếu, có thể giúp người tu tập bước những bước vững chắc hơn trong cuộc sống tâm linh của mình.

Điều đáng lưu ý sau hết và cũng quan trọng hơn hết đối với Đại thừa là tính cách đối cực hay nghịch lý giữa người bồ-tát và một vị Phật, được nêu lên trong bài giảng 56, và cũng là phần kết luận của toàn bộ quyền sách. Việc tu tập của người bồ-tát kéo dài bất tận trong khung cảnh thời gian, thế nhưng sự Giác ngộ của một vị Phật thì lại mang tính cách vô tận, vượt ra ngoài khung cảnh thời gian. "Con đường" hun hút không bao giờ chấm dứt là của người bồ-tát, sự "vô tận" là của một vị Phật. Giữa hai thể dạng đó là một sự bất liên tục, một sự "đứt đoạn". Đó là sự đối cực và tương phản to lớn nhất đối với những người bước theo con đường Đại thừa. Người bồ-tát tiếp tục mãi mãi là người bồ-tát, thời gian tiếp tục là thời

gian, vì vậy làm thế nào mà người bồ-tát có thể trở thành một vị Phật, bởi vì thời gian không thể thoát ra khỏi thời gian để trở thành vô tận ?

Nhà sư Sangharakshita hóa giải sự nghịch lý đó bằng cách đồng hoá "Tâm thức giác ngộ" (Bodhicitta / Bồ-đề tâm) với một "vị Phật", cả hai thứ chỉ là một ; đối với người bồ-tát cũng vậy "con đường" và "mức đến" chỉ là một. Bên trong "Tâm thức giác ngộ" (Bodhicitta / Bồ-đề tâm) của người bồ-tát thời gian trở thành vô tận, thời gian và vô tận chỉ là một thứ, giữa hai thứ đó không có một sự tách biệt hay tương phản nào cả.

Vậy chúng ta hãy thử tìm hiểu sự Giác ngộ "vô tận" và con đường mang kích thước "không gian" qua một góc nhìn khác hơn. Thánh Thomas Aquinas (Thomas d'Aquin), tu sĩ và triết gia người Ý thế kỷ XIII, có nói một câu nổi tiếng như sau : *"Vậy thời gian là gì? Nếu không có ai nêu lên với tôi câu hỏi đó thì tôi hiểu được thời gian ; thế nhưng nếu có ai yêu cầu tôi giải thích thời gian là gì, thì tôi sẽ không còn hiểu được nó nữa ?"*. (cf. *"Confessions"*, XI, xx, 26). Kể cả vào thời đại khoa học và tân tiến ngày nay cũng vậy, mọi người đều hiểu thời gian và không gian là gì, thế nhưng không ai biết được bản chất của các thứ ấy thật sự là gì cả. Các khoa học gia, các nhà thiên văn, các nhà toán học có thể đo đạc được không gian và thời gian, thế nhưng họ không biết được các kích thước mà họ đo đạc hay ước tính đó thật sự là gì, bản chất của chúng là gì. Đối với chúng ta cũng vậy, chúng ta sống với tư duy và xúc cảm của mình qua từng giây phút một, chúng ta sống với không gian qua từng cử động trên thân thể mình, thế nhưng không mấy khi chúng ta lưu ý đến sự liên

hệ mật thiết và chặt chẽ đó với sự hiện hữu của chính mình.

Thế giới hiện tượng gồm có hai lãnh vực : tâm linh và vật chất. Đối tượng khảo cứu của Khoa học là thế giới vật chất, hoặc ít nhất cũng phải trực tiếp liên hệ đến vật chất, có nghĩa là những gì có thể *cân đo được, mô tả được và lập lại được*, vì vậy bất cứ một "sự kiện" hay một "sự hiểu biết" nào không mang các đặc tính đó đều không phải là khoa học. Tâm linh là thế giới của tư duy sâu kín, của các sự cảm nhận trực giác, nằm bên ngoài lãnh vực khoa học. Các khoa học gia có thể nhận biết được sự sinh hoạt của não bộ dựa vào các làn sóng phát ra từ các tế bào não nhờ vào một số máy móc, thế nhưng không nhận biết được "nội dung" hay "ý nghĩa" của các làn sóng ấy là gì. Trái lại một người hành thiền có thể thực hiện được các cảm nhận phi-vật-chất thuộc lãnh vực tâm linh, ý thức được ý nghĩa của các sự cảm nhận ấy, có nghĩa là những gì nằm bên ngoài lãnh vực khoa học. Thế nhưng các cảm nhận của người hành thiền cũng như các kết quả ghi nhận và cân đo được của các khoa học gia tất cả đều mật thiết liên hệ với không gian và cả thời gian.

Vậy thời gian và không gian thuộc vào lãnh vực nào : vật-chất hay tâm linh ? Khoa học biết được, ý thức được sự chi phối toàn cầu của thời gian và không gian đối với thế giới vật chất, chủ động được các đặc tính vật lý của chúng, mô tả, đo đạc được chúng, nhưng không hiểu được chúng là gì. Trái lại trong lãnh vực tâm linh, người ta có thể cảm nhận được chúng bằng trực giác, nhận biết được sự hiện hữu siêu thực của chúng, nhưng không nắm bắt được chúng một cách cụ thể như là các thành phần vật lý.

Điều đó có thể cho phép chúng ta nghĩ rằng thời gian và không gian là các thành phần hay yếu tố liên kết giữa hai thế giới vật chất và tâm linh, có nghĩa là thời gian và không gian vừa là vật chất nhưng cũng vừa là phi-vật-chất. Chẳng hạn chúng ta cảm nhận được tuổi thơ của mình, nhớ lại được cha mẹ mình, và cả thời gian và không gian quá khứ liên quan đến các sự cảm nhận đó của mình. Dù là phi-vật-chất, thế nhưng các cảm nhận đó trực tiếp liên hệ đến sự vận hành của não bộ ở thể dạng vật chất của chúng ta trong hiện tại. Chúng ta hãy nêu lên một thí dụ khác, chẳng hạn chúng ta đang đứng im và sau đó thì bước tới một bước, động tác đó cho thấy chúng ta vừa để lại sau lưng một phần không gian mà mình vừa chiếm hữu trước đó, và đồng thời chúng ta cũng chiếm hữu một phần không gian mới. Hai phần không gian đó liên hệ với hai điểm mốc của thời gian. Vậy chúng ta hãy nêu lên thêm một thí dụ khác nữa, chẳng hạn khi còn bé chúng ta chiếm giữ một không gian liên quan với thân xác nhỏ bé của mình, ngày nay chúng ta chiếm giữ một không gian mang kính thước lớn hơn. Thật hiển nhiên không gian ngày bé liên hệ với một mốc thời gian quá khứ khác với mốc thời gian hiện tại mà mình đang hiện hữu. Thế nhưng thời gian và không gian vẫn là không gian và thời gian, dù là ở thời điểm nào cũng vậy.

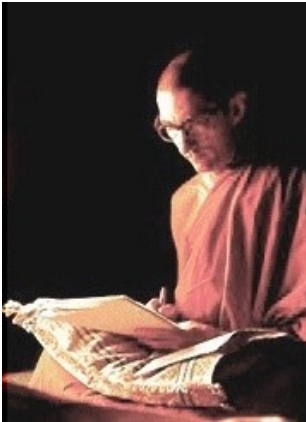
Thomas Aquinas sau khi cho biết là mình không hiểu được thời gian là gì cả, thì ngay sau đó còn cho biết thêm : *"Nếu cho rằng có ba thứ thời gian : quá khứ, hiện tại, và tương lai, thì đấy là một sự sai lầm. Đúng hơn phải xem là có ba thứ thời gian : hiện tại của quá khứ, hiện tại của hiện tại, và hiện tại của tương lai [...] Hiện tại của quá khứ là trí nhớ ; hiện tại của hiện tại là trực giác; hiện tại của tương lai là sự chờ đợi"* (cf. *"Confessions", id*). Tóm lại hiện tại của hiện tại chính là cột mốc hay điểm

chuẩn giúp mình nhìn vào thời gian và cả không gian, dù là các thứ ấy thuộc "quá khứ" hay "tương lai".

Thời gian và không gian quá khứ chỉ là những sự cảm nhận của tâm thức mình trong hiện tại, thời gian và không gian trong tương lai chỉ là những sự phóng tưởng của tâm thức mình từ hiện tại. Khi hồi tưởng lại thời gian và khung cảnh ngày bé của mình chẳng hạn, thì đấy chỉ vồn vện là trí nhớ. Tưởng tượng rồi đây mình sẽ trở thành một cụ già gầy nhom và lom khom thì đấy chỉ đơn giản là một sự phóng tưởng. Cảm nhận hiện tại bên trong hiện tại là sự trực nhận về sự hiện hữu của chính mình trước hiện thực và bên trong hiện thực, đó là cách giải thoát mình khỏi các kích thước không gian và thời gian. Cảm nhận được sự hiện hữu của mình trong "hiện tại của hiện tại" là sự "Giải thoát". Và đó cũng là cách hiểu về những lời kết luận trong quyển sách *Lý tưởng của người bồ-tát* của nhà sư Sangharakshita : *"Vô tận và thời gian chỉ là một thứ, không phải là hai thứ khác nhau ; con đường và mức đến chỉ là một, mức đến cũng chính là điểm khởi hành"*.

Những gì trên trên không hẳn là một sự tự biện, bởi vì khoa học tân tiền ngày nay qua các ngành vật lý lượng tử có thể giúp chúng ta tiếp cận gần hơn với thế giới tâm linh, nếu có thể nói như vậy. Điều đó có nghĩa là khoa học dù không chạm vào hay thâm nhập được vào thế giới tâm linh, thế nhưng có thể giúp chúng ta nhận biết được rõ ràng hơn sự liên hệ và tương kết giữa hai thế giới vật chất và phi-vật-chất. Vật lý lượng tử là ngành khoa học khảo cứu các thể dạng cực vi của vật chất gọi là lượng tử (quantum). Vật chất ở thể dạng lượng tử có thể là các hạt "cụ thể", nhưng cũng có thể là các "làn sóng" hay "năng lượng", chẳng hạn như ánh sáng có thể là các làn sóng nhưng

cũng có thể là các hạt photon (quang tử). Dù ở thể dạng nào các lượng tử đó đều mật thiết liên hệ với không gian và thời gian. Giác ngộ hay Giải thoát là cách vượt lên trên thời gian và cả không gian, hoặc nói một cách khác là hòa nhập vào cả hai yếu tố đó của hiện thực để trở thành Hiện thực ở thể dạng tuyệt đối của nó.



H.1-Nhà sư Sagharakshita



H.2- Nhà sư Sangharakshita và Đức Đạt-lai Lạt-Ma (Ảnh chụp tháng 5, 1957 tại Kalimpong (Sikkim-Darjiling) trên đất Ấn, dưới chân núi Hy-mã Lạp-sơn, sát biên giới Tây Tạng. Tấm ảnh này trước đây cũng đã được đưa vào một quyển sách trên mạng mang tựa *Thiền định - Một phương pháp biến cải tâm linh* (<https://thuvienhoasen.org/a33046/thien-dinh-mot-phuong-phap-bien-cai-tam-linh>) nhưng lại được ghi là chụp tại Tây Tạng, điều này không đúng, vậy xin đính chánh.

Bures-Sur-Yvette, 14.03.22
Hoang Phong chuyển ngữ

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

419

*Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.*

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Ca Lưu Đà Di

Ưu Đà Di (Udayi) là một viên đại thần rất được sủng ái của đức vua Tịnh Phạn, ông có biệt tài tổ chức các vấn đề kinh tế, hành chánh và ngoại giao... nhưng cũng có một tật khá lớn là vô cùng đắm nguyệt say hoa. Chính ông là người đã hiến kế cho vua Tịnh Phạn lập tam cung lục viện, tuyển mộ cung phi, đem sợi tóc mỹ nhân để cột chân hoàng tử Tất Đạt Đa dạo nọ.

Khi được tin con mình đã thành đạo, đang đi bố giáo nhiều nơi mà không chịu về thăm nhà, vua Tịnh Phạn vô cùng nôn nóng. Liên tiếp, ngài phái liền 9 vị cận thần thân tín đi mời đức đạo sư về thành Ca Tỳ La Vệ. Đáp lại sự chờ mong của đức vua, sau khi gặp Phật và nghe pháp, 9 vị sứ giả đều tỉnh ngộ, quên phứt đi sứ mệnh của mình, xin cạo tóc sống đời sa môn và lần lượt đắc quả cả. Lần thứ 10, đại thần Ưu Đà

Di phụng mệnh ra đi thỉnh đức đạo sư trở về thăm quê cũ. Dù rất lấy làm cảm động khi nghe những lời giảng dạy của đức Thế Tôn, Ưu Đà Di vẫn trở về phò vua giúp nước như cũ.

Mãi đến khi vua Tịnh Phạn mất, Ưu Đà Di mới từ quan, bỏ lại hàng chục tòa dinh thự nguy nga cùng hàng trăm thê thiếp lộng lẫy, cạo tóc lần râu, sống đời khát sĩ. Để ghi dấu lần thay đổi vĩ đại này, ông đổi tên là Ca Lư Đà Di (Kàludàyi).

Tuy đã đổi thức ăn, hình thức cùng nếp sinh hoạt hẳn hoi nhưng các cố tật của Ca Lư Đà Di vẫn còn. Vì thế, thầy đã gây ra khá nhiều rắc rối cho tăng đoàn, đức đạo sư cũng như bản thân mình.

Vừa gia nhập tăng đoàn, Ca Lư Đà Di đến gặp đức đạo sư, than phiền rằng diện tích tâm tọa cụ do ngài hạn định cho chư tăng thật là khiêm tốn so với thân hình đồ sộ của sư. Đức Phật liền chế luật, cho phép sư được mở rộng kích thước tám nệm ngồi, mỗi bề thêm nữa tất nữa.

Có được tám tọa cụ ưng ý, Ca Lư Đà Di vẫn chưa thể tọa thiền được vì tiếng quạ kêu ồn ào làm tâm tư xao động. Thế là trong lúc các bạn đồng phạm hạnh đang ngồi thiền định, Ca Lư Đà Di liền đi chẻ tre, chuốt cung tên để bắn quạ. Sau giờ tĩnh tọa, các thầy tỳ kheo đi kinh hành, ngạc nhiên khi thấy xác quạ chết nằm đầy vườn, mới hay có sự. Chuyện đến tai Phật, Ca Lư Đà Di bị khiển trách một trận nên thân. Chưa hết, một hôm, trên đường vào thành Xá Vệ, đức đạo sư bắt gặp một sàng tọa cao ngất ngều, đặt giữa ngã ba đường và Ca Lư Đà Di đang nằm đông dựa trên đó. Đương sự liền được mời xuống và đức đạo sư phải chế thêm một giới cấm nữa:

“Không được giảng võng cao quá đầu người.”

Nhờ sự hướng dẫn của đức đạo sư và các bạn đồng phạm hạnh. Ca Lư Đà Di gột rửa dần dần những tập khí quan liêu, vương giả, duy có một điều gây rắc rối không ít cho sư cùng tăng đoàn là sư khó lòng tự chủ khi thấy bóng mỹ nhân.

Một hôm đang ngồi trong tịnh thất, chợt thấy một thiếu nữ diễm lệ đi ngang, quên phút là mình đã xuất gia, Ca Lư Đà Di liền tuột khỏi giường thiền, chạy ra chặn đường người đẹp. Chuyện đến tai Phật, sư bị la rầy nặng nề và thẻ chừa hẳn. Lời thẻ này chỉ giữ được có một nửa. Lần khác, Ca Lư Đà Di không chạy ra chặn đường người đẹp nhưng ngồi trong tịnh thất, sư không thể nín được dăm lời trêu chọc. Kết quả là Ca Lư Đà Di phủ phục dưới chân Phật, phát nguyện sẽ không bao giờ buông lời chọc ghẹo người đẹp nữa. Nhưng xui xẻo cho sư, ngay ngày hôm sau, có nhiều hoàng phi và cung nữ của vua Bình Sa, trên đường lễ Phật, lại đi ngang qua tịnh thất của sư. Đương sự liền khua chìa khóa “lặng keng” để gây sự chú ý của mỹ nhân. Để trừ hậu hoạn, đức đạo sư cho phép Ca Lư Đà Di được dời tịnh thất ra cuối vườn để... tránh cảnh.

Chuyện rắc rối lại xảy ra với nhà sư đa tình này trên đường đi khát thực. Người ta bắt gặp sư ôm bát đứng bất động trước nhà “người đẹp.” Nghe chuyện đức Phật bèn ra lệnh cấm: “Tỳ kheo khát thực xong phải đi ngay, không được nán ná trước nhà người ta.” Điều luật này được Ca Lư Đà Di hết sức tôn trọng: sư chỉ đứng ngoài đường lộ dòm vào thôi. Có người mách Phật, Ngài lập tức chế giới, Ca Lư Đà Di bèn ngồi trên ngạch cửa. Phật cấm ngồi trên ngạch

cửa, sư bèn chui vào kẹt cửa của gia chủ... Và, rất nhiều phen, sư bị thiên hạ vây đánh, phải chạy thoát thân, vất hết cả y cùng bát...

Tại tiếng của Ca Lư Đà Di tới tập bay đến hương thất của Phật, sau những lời khiển trách, Ngài đích thân giáo hóa sư, cảm không được rời xa Ngài. Nhờ vậy, Ca Lư Đà Di lần lần bỏ được tật cũ, tinh cần tu tập không bao lâu sư đắc quả A La Hán. Việc lớn đã xong, tôn giả đem hết năng lực của mình để phụng sự mọi người. Tôn giả tỏ ra có nhiều sáng kiến trong việc giúp Phật tổ chức tăng đoàn và hướng dẫn quần chúng bình dân về hành chánh và ngoại giao là một trong những biệt tài sở trường của tôn giả. Tôn giả thường được Phật cử đi giảng hòa những vụ tranh chấp trong dân chúng. Và, bất cứ cuộc hiềm khích nào dù có gay go cách mấy, khi tôn giả đã nhúng tay vào đều được hóa giải rất tốt đẹp.

Về sau, do những dư nghiệp của quá khứ, tôn giả Ca Lư Đà Di đã điếm nhiên thị tịch dưới nhát dao của một tên gian phu hung bạo khi tôn giả muốn ngỏ lời cứu hẩn ra khỏi bùn nhơ của dục vọng.



SÁNG TẠO LÀ CON ĐƯỜNG THI SĨ

Tâm Nhiên

Thơ là gì ? Thi ca là cái chi ? Có người cắt cớ hỏi Bùi Giáng như vậy. Thi sĩ khề khà trả lời : “Con chim thì ta biết nó bay, con cá thì ta biết nó lội, thằng thi sĩ thì ta biết nó làm thơ, nhưng thơ là gì, thì đó là

điều ta không biết.”* Tuy nói thế, nhưng suốt bình sinh trong cuộc sống, thi sĩ chỉ dốc chí làm thơ và sống phiêu bồng, lãng tử như thơ mà thôi.



Đó là một cách trả lời mà không đáp ứng gì cả, giống như một tục khách đến hỏi thiền sư : “*Thiền là gì ?*” Đáp : “*Hôm nay thời tiết chưa tốt lắm.*” Trả lời mà chẳng giải thích, vì thiền sư biết căn cơ của khách tục chưa đủ chín muồi, dù có nói nhiều điều cao siêu đi chăng nữa thì cũng không lãnh hội chi đâu. Tốt nhất là nên im lặng.

Im lặng để cho kẻ thắc mắc kia còn có cơ hội khám phá ra vẻ đẹp tuyệt trần chân thiện mỹ của thiền. Khi tự tỏ ngộ thì đương nhiên, họ không còn chạy đây đó tìm học, tham vấn vu vơ gì nữa. Từ đó, thơ và thiền tự nhiên hiển lộ, lung linh, kỳ ảo vô ngần trong phương lòng quang minh của chính họ rồi.

Lúc ấy sẽ bùng vỡ ra cái thấy tinh khôi, mới lạ và làm tiêu tan hết mọi mệt mỏi, chán chường, như thi hào Rainer Maria Rilke phát biểu : “*Nếu đời sống thường nhật trở nên nhạt nhẽo, nghèo nàn đối với anh thì anh đừng bao giờ quy trách nó. Anh hãy tự trách chính anh rằng, anh*

*không đủ tâm hồn thi nhân để mà có thể gọi dậy trong lòng mình tất cả sự phong phú, miên man của đời sống thường nhật, vì đối với một con người sáng tạo, một thi sĩ thì chẳng có gì là nhạt nhẽo, nghèo nàn, chẳng có một nơi chốn nào là khô khan, lãnh đạm.”***

Đúng như vậy, với kẻ sáng tạo thì họ có khả năng làm sinh động lại những tiêu điều, hiu hắt, biết chuyển hóa nỗi đau buồn thành niềm hân hoan tối thượng. Bước đi trên con đường sáng tạo là bước đi vô sở trú, vô sở cầu, vô sở đắc, thi sĩ kẻ không cửa, không nhà, kẻ cô đơn sâu thẳm, tâm hồn dòn về nẻo chân lý, hướng về ngõ uyên nguyên, khơi mở mạch suối nguồn.

Cuộc lữ khởi sự băng qua những sa mạc, hư vô đời khô khốc, những địa ngục sục sôi, cháy đầy lửa bỏng, những hồ thẳm âm u, mịt mù tăm tối... Rồi cuộc lữ mở ra một con đường phong quang sáng tạo, ngút ngàn mây trắng với những phương trời bát ngát bao la, để cho thi sĩ chợt thấy mình không là chi cả : Không tên tuổi, không gia đình, không sự nghiệp, không địa vị, không trách nhiệm, không bổn phận, không mục đích, không chỗ trú cư trong thời gian và không gian.

Không chỗ trú vào bất cứ đâu, nên thênh thang vô sự theo cách điệu tiêu dao du ngoạn cái đang là luôn luôn mới lạ và mới lạ giữa như thị, như nhiên, phiêu bồng không chấp.

Âm thầm, tuyệt nhiên lặng lẽ, người thi sĩ thở cùng thơ, sống cùng thơ, trọn vẹn,

tuyệt đối thủy chung với nàng thơ bát ngát. Họ không bận tâm nhiều tới quần áo, ăn uống, ngủ nghỉ, chẳng thiết chi chuyện truyền giống, nối dõi tông đường hay bảo vệ đất nước, duy trì quốc gia, nhất là không thích làm giàu để hưởng thụ mà trái lại, ưa sống đạm bạc, thanh bần, đơn sơ, giản dị. Họ chỉ quan tâm tới sáng tạo và chân lý như đại văn hào Henry Miller tuyên bố một câu bất hủ : *“Từ chút ít sách vở tôi đã đọc, tôi nghiệm ra rằng, những người lặn lội sâu nhất trong cuộc đời, những người nhồi nặn cuộc đời, những người chính là cuộc đời đều ăn ít, ngủ ít, sở hữu ít hay không có gì cả. Họ không có bất kỳ một ảo tưởng nào về bổn phận, hoặc nối dõi tông đường hay duy trì quốc gia. Họ chỉ quan tâm tới chân lý và chân lý mà thôi. Họ chỉ chấp nhận một hình thức hoạt động là sáng tạo. Không một người nào có thể chỉ huy công việc họ, bởi vì họ tự nguyện cho tất cả. Họ cho không, bởi vì đó là cách duy nhất để cho.”****

Dĩ nhiên cái gọi là cho ấy của thiền sư, nghệ sĩ, thi nhân, không phải là của cải vật chất tầm thường mà là tinh túy, tinh hoa kết đọng thành tư tưởng vô hình, vô tướng. Chỉ những tâm hồn đồng điệu, đồng thanh tương ứng mới cảm được, mới thấy được giá trị vô lượng của tặng phẩm tinh thần thâm thúy đó, để diệu dụng cùng cung bậc đời thường, thanh thản tự do.

Cho nên đi vào cõi thơ là dán thân vào cõi mộng không lời, là phiêu lưu mạo hiểm xuống hố thẳm không đáy, là bay lên những phương trời vô xứ cùng tuyệt

thiên thanh. Đòi hỏi kẻ lữ hành độc đạo, phải buông xuống sạch sành sanh tất cả những thứ cặn bã của xã hội loài người như được mất, hơn thua, tốt xấu, giàu nghèo, danh lợi, khen chê, đúng sai, phải quấy... Bước nhảy trọng đại đó là bước nhảy chập chùng sinh tử. Có vượt qua gập ghềnh sinh tử được hay không là còn tùy công phu hàm dưỡng của mỗi người.

Đường của thơ là không lộ, đầy cuồng phong, bão táp, đầy lao đao khổ lụy, đọa đầy. Tuy bị đọa như thế nhưng vẫn có cái thi vị tuyệt vời, như thiền sư Tuệ Sỹ nhận định : *“Người làm thơ, cuộc đời bị đầy ải truân chuyên, trong đó cũng có cái ảo diệu của vị chua, vị mặn. Suốt đời học Thiền, suốt đời vẫn đọa thân tâm, đọa trong cái Không và cái Tĩnh. Đọa đọa đó mà kỳ thực không là đọa đọa. Cũng vậy, suốt đời làm thơ thì suốt đời khổ lụy lao đao, nhưng không là khổ lụy lao đao. Chỗ ảo diệu đó, chưa đạt đến cõi thượng thừa của thi ca, làm sao hiểu nổi ?”*****

Cõi thượng thừa của thi ca ở đâu ? Phải chăng, đó là công án mà mỗi thi nhân phải tự mình đốn ngộ, chứ đừng ngớ ngẩn chạy đôn chạy đáo thừa hỏi, tìm kiếm lung tung. Cứ nhập cuộc chơi, ném mình vào những phương trời gió loạn, cúi sâu xuống tận đáy lòng hun hút cô liêu, diệu vợi của mình, may ra sẽ bùng vỡ mặt ngĩa cái chân lý muôn đời.

Trên tinh thần phóng khoáng, tự do đó, người thi sĩ tự bao giờ vẫn nhất thiết kiên trì, vô cùng nhẫn nại. Bước đi lầm lũi khai phá, đốc chí bền gan sáng tạo và

sáng tạo kỳ cùng, song hành cùng năng thơ độc đáo, vô song, như triết gia, nhà thơ Phạm Công Thiện có lần tâm sự : *“Làm thơ là hố thẳm xoáy tròn vào cơn bão tố rùng rợn của thơ và chỉ nhìn thấy thơ trên trời, thơ ở dưới đất, thơ trong tim, thơ trong óc não, thơ trong mạch máu, thơ trong hơi thở, thơ trong đời sống, thơ trong cái chết, thơ trong hiện thể, thơ trong vô thể, thơ trong hư vô... Chỉ có thi sĩ mới sống tận bản thân mình, sống phóng tới đằng trước tất cả những khả tính sắp hiện của dân tộc mình.”******

Thi nhân là kẻ tiên tri thấu thị, một bậc siêu phàm hay một tên khùng điên rồ dại, gọi gì cũng được, họ chẳng bận tâm mà chỉ lao mình vào cuộc đại hòa điệu chơi với đủ mọi hình thức : Tình yêu, đau khổ, điên cuồng... như thi sĩ Rimbaud bộc bạch : *“Thi nhân tự biến mình thành tiên tri thấu thị bằng một sự hỗn loạn của tất cả mọi giác quan lâu dài, rộng lớn, phi thường và hợp lý. Tất cả mọi hình thức tình yêu, đau khổ, điên cuồng : Hấn tìm kiếm chính hấn, hấn nuốt trọn mọi độc tố trong hấn để giữ lại tinh túy. Cực hình khôn tả, trong đó hấn cần tất cả sức mạnh siêu nhân, trong đó hấn trở thành kẻ bệnh nhân vĩ đại, kẻ tội nhân vĩ đại, kẻ bị nguyên rửa vĩ đại và nhà bác học siêu phàm. Bởi vì hấn đi tới cái vị tri.”*

Cái vị tri mở ra những phương trời mây trắng bông bành, thênh thang bát ngát, tiêu dao lỏng lẻo trên cảnh giới bất khả tư nghì. Thi sĩ và thiền sư cùng lao đao và cùng tiêu sái trong cõi trầm mặc phiêu nhiên. Tuyệt thay là phong cách nhào lộn

tồn sinh, rốt ráo tốt độ của những tâm hồn kỳ dị đã nếm được hương vị vô cực, vô vi : *“Thi sĩ rơi xuống cõi đời bơ vơ, bơ ngỡ và lạ lùng. Không có lấy một người hiểu mình... Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của tình yêu. Tôi đã vui buồn, sướng khổ, giận hờn đến gần đứt sự sống.”*

Thi sĩ Hàn Mặc Tử đã nói như thế và Phạm Công Thiện diễn giải : *“Khi nào mình “đến gần đứt sự sống” rồi thì mới biết Thơ là cái gì, mới biết làm thơ, mới biết đọc thơ. Khi mình chưa “đến gần đứt sự sống” thì không được quyền nói bất cứ điều gì về Thơ, về Thi Ca, về Thi Sĩ, về Thi Nhân...”******

Phải chăng, đó là một thái độ vô cùng cần trọng đối với Thơ, được phát biểu bởi một thiên tài kỳ tuyệt ? Trong khi bây giờ, có một số người thiên cận tỏ ra xem nhẹ, rẻ rúng, xuyên tạc thi ca truyền thống ngàn đời của dân tộc. Chúng tôi chức thành hội này, nhóm nọ, cố tình phá hoại nền văn nghệ đích thực, bằng đủ mọi hành vi đen tối, rồi còn ra mặt hỗn láo, vô lễ, sùng sộ với tổ tiên, tiền bối, lôi cả thi hào Nguyễn Du ra bôi bác, lại dám cả gan sửa đổi hàng ngàn từ ngữ trong kiệt tác Truyện Kiều nữa chứ ! Hỡi ôi ! Cái bọn hồ đồ ấy còn lên giọng chê bai, chửi bới, đả kích, khinh thường những thi sĩ, những người làm thơ, coi thơ như một thứ gì vô bổ, vô ích, vô nghĩa, đáng ném vào sọt rác, vì lạc điệu giữa cuộc sống thực tế đầy xô bồ, hỗn độn, gần như máy móc, vô cảm hôm nay.

Vậy đó mà Phạm Công Thiện vẫn mặc kệ, vẫn trọn lòng tin cậy vào sự huyền nhiệm của thi ca và kiên nhẫn, kiên nhẫn ba la mật, khuyến khích chúng ta một cách đọc thơ như trì tụng kinh điển, để tự thâm nhập sâu xa cái thâm mật ở chính trong hồn sâu thẳm của mình : *“Đọc thơ cũng giống như đọc kinh. Phải thọ, trì, đọc, tụng, Đọc không phải để hiểu mà để biết. Biết cái thâm mật của một giây phút thoáng qua nhanh chóng hơn ánh sáng và biết cái thâm mật của tam thiên đại thiên thế giới, của vô số hằng hà tỉ tỉ thiên hà trong lòng ta và ngoài kia không gian phiêu dật. Mà chính lòng ta là tất cả không gian phiêu dật...”******

Không những thế, Phạm Công Thiện còn hồn nhiên tụng ca Thơ, tán thán Thi Ca bằng một niềm tin tưởng tuyệt đối : *“Nói đến Thơ không khác gì nói đến Thượng đế. Phê bình Thơ là làm việc phạm thánh, là “blaspheme.” Những thi sĩ không phải là loài người, họ là những thiên thần, những thánh hoặc những quý ma. Nếu ta không chấp nhận họ được thì thôi, ta không được quyền có thái độ của học giả hay giáo sư hoặc nhà phê bình. Phải giết hết những kẻ phê bình để cho Keats sống, để cho Chatterton đừng chết lúc mới 18 tuổi xuân xanh !*

*Anh không thể cảm thơ người ta thì hãy im lặng, còn nếu cảm được thì anh hãy tha thiết ca ngợi, đừng e dè, giữ gìn gì cả. Không nên có những nhà phê bình thơ mà chỉ nên có những kẻ ca tụng thơ. Thơ là của riêng từng người, không có ai làm thầy ai cả.”******

Giữa thời buổi nhiều nhưng, văn chương, văn nghệ hầu như không còn giá trị gì nữa mà vẫn còn người yêu thi ca như vậy, quả thật là hy hữu phải không ? Buồn quá ! Sa mạc, hư vô đang lan dần trên đất mẹ, quê hương, trên khắp cả quả địa cầu hoang vu này rồi, bọn quỷ dữ, ác ma đã xuất hiện rầm rộ, chúng giết người hàng loạt, dùng mọi thủ đoạn, lừa đảo, ám sát, khủng bố, đầu độc không trừ một thứ chi hết. Toàn bộ nền văn minh nhân loại của thế kỷ XXI đang gieo rắc sự chết, tiến bộ gieo sự chết, khoa học gieo sự chết, tôn giáo gieo sự chết, chủ nghĩa gieo sự chết, xã hội gieo sự chết, chính trị gieo sự chết, kinh tế gieo sự chết, văn hóa gieo sự chết, giáo dục gieo sự chết...

Hầu hết loài người trong thời hiện đại đều đang quay cuồng trong cơn túy sinh mộng tử, điên rồ cố giành giật đất đai, lãnh thổ, cố mở rộng, bành trướng tôn giáo, cố tuyên truyền chủ nghĩa, đảng phái, học thuyết và tất nhiên là xung đột quyết liệt. Họ cố tàn sát đâm máu lẫn nhau, bằng đủ mọi âm mưu thâm hiểm, độc ác, tình vi như lời thơ tiên tri của Nguyễn Du, bậc đại thi hào dân tộc :

*Mặt ngoài thơn thớt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao*

Chao ơi ! Sống trong thời buổi điêu linh như vậy, một cõi nhân gian bị đất, tan hoang như thế, hỏi sao người thi sĩ không cảm thấy lạc lõng, bơ vơ cho được ? Họ vô lương thương cảm, xót xa, đành rời quê nhà, bỏ xứ sở, làm kẻ lang thang

tuyệt mù viễn xứ như Phạm Công Thiến, muốn điên cuồng kỳ dị như Bùi Giáng, hay tuyệt nhiên im lặng, mặc như lời như Tuệ Sỹ và cuối cùng, chỉ còn biết âm thầm sáng tạo, lặng lẽ làm thơ như muốn thấp lên một ngọn lửa tình yêu diệu huyền, xanh biếc thiết tha trên sa mạc khô cằn của nhân loại.

Nói như văn hào Hermann Heese : *“Dù có bị đau đớn, quần quai, tôi vẫn yêu thương trần gian điên dại này.”******

Cho nên thi nhân vẫn hạo nhiên chi khí, tự nguyện đi vào địa ngục trần gian, đốt bùng lên đuốc lửa tuệ quang, sáng ngời vô úy, thổi vào hồn tồn lưu một ngọn lửa tình thương yêu vô điều kiện và hòa âm thâm mật trên cung bậc thi ca.

Thi ca là suối nguồn bất tận, chảy hoài từ thiên vạn cổ đến nay, như nhà thơ Saint John Perse tỏ bày trong dịp nhận giải thưởng Nobel văn chương năm 1960 : *“Người thơ đã có trong con người ăn lông ở lỗ, người thơ vẫn sẽ có trong con người thời nguyên tử, vì người thơ là một phần tử bất khả phân của con người. Chính từ sự đòi hỏi của thơ, của tâm, làm phát sinh tôn giáo và nhờ duyên thơ mà tia lửa thiêng sống mãi trong khối đá người. Khi mọi thân hoại sụp đổ hết thì thơ là chỗ ẩn cuối cùng của cái tối linh.”******

Tình yêu, tình thương là điệp khúc, là bản trường ca miên viễn, bất tuyệt của thơ mà sứ mệnh người thi sĩ sáng tạo phải giữ gìn, xiển dương, làm cho phục hồi, sông dậy mãnh liệt, ý lực bùng lên huy hoàng,

sáng suốt, tuôn trào vô lượng vô biên. Hãy đốt hồn thơ thiêng liêng, cháy rực ngời ngọn lửa cảm xúc, rung động thiên thu, để nghe nhịp thở bồi hồi giữa bầu khí hậu thanh tân, phấn chấn, hân hoan yêu đời trong tiếng hát đại bi tâm. Tiếng hát đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả ấy mãi hoài ngân vọng trong lòng người từ muôn thuở đến muôn nơi, trên mặt đất trần gian vẫn còn thơ mộng này.

Tâm Nhiên

* *Bùi Giáng. Sa Mạc Trường Ca. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1970*

** *Rainer Maria Rilke. Thư Gửi Người Thi Sĩ Trẻ Tuổi. Hoàng Thu Uyên dịch. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1969*

*** *Nguyễn Hữu Hiệu. Con Đường Sáng Tạo. Hồng Hà xuất bản, Sài Gòn 1973*

**** *Tuệ Sỹ. Tô Đông Pha Những Phương Trời Viễn Mộng. Ca Dao xuất bản, Sài Gòn 1973*

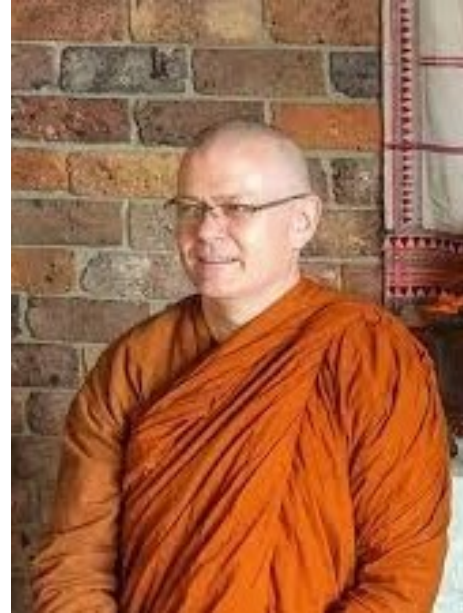
***** *Phạm Công Thiện. Một Đêm Siêu Hình Với Hàn Mặc Tử. Trần Thị xuất bản, California 2006*

***** *Phạm Công Thiện. Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1966.*

***** *Hermann Hesse. Câu Chuyện Dòng Sông. Phùng Khánh dịch. An Tiêm xuất bản, Sài Gòn 1969*

***** *Huyền Giác. Chứng Đạo Ca. Trúc Thiên dịch. Lá Bối xuất bản, Sài Gòn 1970*

**Vì Sao Thư Viện Kinh Phật
Suttacentral Phải 100% Xa Lìa
AI? Tác Giả: Bhikkhu Sujato -
Dịch Giả: Nguyên Giác**



(Lời giới thiệu của Nguyên Giác: Bài này được dịch để bày tỏ lòng biết ơn tới tất cả những thế hệ tứ chúng trong hơn hai thiên niên kỷ qua đã học thuộc lời Đức Phật dạy, đã truyền lại từ đời này sang đời sau, đã lưu giữ kinh điển, và đã dịch kinh sang hàng chục ngôn ngữ cho nhân loại. Và cũng đặc biệt là chủ đề của nhóm ba bài viết trong này từ vị Tam Tạng Pháp Sư Bhikkhu Sujato. Thế giới đang bước vào cuộc cách mạng rất mới của trí tuệ nhân tạo, AI, một công cụ có nhiều ứng dụng hữu dụng cho gần như mọi mặt của đời sống. Chỉ trong vài giây đồng hồ, AI có thể cho chúng ta những hình ảnh đẹp hy hữu như nghệ thuật nhiếp ảnh, có thể soạn ra các ca khúc xuất sắc trong nhiều thể loại, có thể làm các video thần tốc cho các công ty quảng cáo, và nhiều ứng dụng tuyệt vời khác. Tuy nhiên, có một nơi AI bị cấm vào. Đó là Tàng kinh các về Phật học lớn nhất thế giới hiện nay. Để tìm hiểu lập trường này, dịch giả sẽ dịch ba bài

viết sau, các links sẽ để cuối bài:

- AI-1: *Let's Make SuttaCentral 100% AI-free Forever;*

- AI-2: *Machine translations of suttas are the wrong solution for the wrong problem;*

- AI-3: *There is no road from here to there.*

Vì sao trang nhà lớn nhất thế giới về Phật Giáo hiện nay là <https://suttacentral.net/> -- nơi có các bản dịch Tạng Pali và Tạng A Hàm trong vài chục ngôn ngữ -- yêu cầu hãy xa lìa 100% đối với trí tuệ nhân tạo AI? Nơi trang Phật học này hiện lưu giữ bản Việt dịch Tạng Nikaya dịch bởi Thầy Thích Minh Châu và Bhikkhu Indacanda; và Tạng A Hàm dịch bởi hai Thầy Tuệ Sỹ và Thích Đức Thắng. Nhà sư Trưởng ban biên tập trang nhà này là Bhikkhu Sujato đã viết ba bài đề giải thích. Bản thân dịch giả không có đủ trình độ kỹ thuật để hiểu về AI, do vậy ba bản Việt dịch nơi đây có thể có những sai sót; độc giả quan tâm có thể tìm đọc nguyên văn ba bài tiếng Anh của Bhikkhu Sujato theo links cuối bài, cũng là khởi đầu của ba chuỗi thảo luận của các nhà sư học giả quốc tế. Sau đây là những suy nghĩ của Bhikkhu Sujato.)

.... 0

AI-1: Hãy cùng làm cho SuttaCentral 100% xa lìa AI mãi mãi

AI đang bùng nổ. Những ý tưởng cơ bản đã xuất hiện từ những năm 1980s, nhưng chỉ đến khi ChatGPT của OpenAI được phát hành, nó mới vươn lên thống trị những cuộc thảo luận công nghệ. Trước đây, tôi [Bhikkhu Sujato] đã quan tâm đến việc tìm

hiểu về công nghệ và hào hứng với những khả năng. Tuy nhiên, theo thời gian, tôi ngày càng hoài nghi, đến mức giờ tôi tin rằng chúng ta cần phải cảm sự hiện diện của "AI mạnh" hoặc "AGI", theo tôi là bất kỳ tác nhân máy tính nào có vẻ ngoài giống con người. Ngay cả những dạng AI yếu hơn nhưng vẫn mạnh mẽ hiện nay cũng có những lợi ích được thổi phồng quá mức và những tác hại không được đánh giá đúng mức.

Tôi sẽ thảo luận về những điều này sau, nhưng hiện tại, tôi muốn đưa ra một đề xuất cứng rắn. SuttaCentral trong mọi khía cạnh, bao gồm cả diễn đàn này, nên cam kết 100% không có nội dung nào từ AI. Không được phép có bất kỳ nội dung nào do máy tạo ra trong bất kỳ nền tảng, chương trình quảng bá, kho dữ liệu hoặc bất kỳ nơi nào khác của chúng ta. Điều này áp dụng ngay cả khi [nội dung từ máy] được chỉnh sửa bởi con người. Điều đó không có nghĩa là không thể có bất kỳ AI nào đăng sau hậu trường, ví dụ như phụ tá mã hóa [coding assistants], tìm kiếm, và những thứ tương tự. Những thứ như vậy có nhược điểm và lợi ích, và về mặt thực tế là không thể tránh chúng hoàn toàn tại thời điểm này. Vì vậy, lệnh cấm ảnh hưởng đến sự hiện diện thực tế của các văn bản do máy tạo ra.

Một lý do cho điều này là, rất nhanh chóng, internet đang tràn ngập những thứ vô giá trị của AI. Một loạt các trang web, ứng dụng, blog, diễn đàn, thư rác, mạng truyền thông xã hội, quảng cáo, v.v., tràn ngập những thứ vô giá trị do máy tạo ra. Điều này phá hủy toàn bộ bối cảnh kỹ thuật số, bắt đầu từ các công cụ tìm kiếm. Rất sớm thôi, nếu không muốn nói là đã xảy ra rồi, "nội dung" do con người tạo ra (ôi, tôi ghét

những chữ đó biết bao!) sẽ bị nhấn chìm trong đồng rác của AI, và AI càng "tốt" thì càng khó để phân biệt [với sản phẩm của người]. Hệ quả của điều này là chẳng bao lâu nữa, một số ít thành trì của nhân loại thực sự sẽ được coi trọng như những viên ngọc quý.

Về việc sử dụng nội dung của chúng tôi bởi những người khác, đặc biệt là việc thu thập dữ liệu dịch thuật để sử dụng cho bản dịch máy, đây không phải là điều mà chúng tôi có thể ngăn chặn hợp pháp. Ngay cả khi có sự bảo vệ bản quyền—mà hiện tại vẫn chưa có—thì giấy phép CC0 mà chúng tôi cho phép bất kỳ loại sử dụng nào. (Ghi chú của dịch giả: CC0 là Giấy phép Creative Commons Zero, là giấy phép tác giả cho miễn tác quyền. Thí dụ, 3 bài này của ngài Sujato là CC0, cho phép copy, phổ biến.)

Tuy nhiên, chúng tôi yêu cầu bất kỳ ai sử dụng tác phẩm của chúng tôi hãy theo tinh thần của truyền thống Phật giáo. Theo quan điểm của tôi, điều này loại trừ bất kỳ ứng dụng AI bất chước con người nào như "chatbot Phật giáo" hoặc "bản dịch AI". Truyền thống Phật giáo luôn coi bản dịch là một hoạt động thiêng liêng và các văn bản được tạo ra là lời của Đức Phật. Bản dịch không chỉ đòi hỏi kiến thức ngôn ngữ mà còn phải hiểu sâu sắc về Giáo pháp và cách diễn đạt của nó.

Vì vậy, chúng ta nên đưa ra cam kết mạnh mẽ này và quảng cáo nó, gắn nhãn trang web và sách của chúng ta là “Không phải do AI”. Đã có những dự án thực hiện điều này, cho thấy mối quan tâm đó rộng lớn như thế nào.

Nếu ai đó tin rằng AI có những lợi ích lớn mà chúng ta đang bỏ lỡ, thì thật tuyệt: hãy tự

mình xây dựng nó và chứng minh tôi sai.

.... o

AI-2: Các bản dịch kinh từ máy là giải pháp sai cho vấn đề sai

An Shi-Gao (An Thế Cao), được biết đến trong truyền thuyết là một hoàng tử Parthia, định cư tại thành phố Luoyang (Lạc Dương) của Trung Quốc vào năm 148 CN, nơi ông tiến hành dịch hơn một chục văn bản sang tiếng Trung Hoa từ tiếng Phạn (hoặc một tiếng gì tương tự). Ông là người đầu tiên dịch các văn bản Phật giáo ở Trung Quốc, bắt đầu một tiến trình dài và chậm chạp tạo ra kinh điển Trung Quốc mà chúng ta có ngày nay. Nhiều năm sau, một quá trình tương tự đã được thực hiện ở Tây Tạng.

Hai dự án dịch thuật này là những tượng đài đức tin vĩ đại. Chúng đã tồn tại hàng trăm năm và hình thành nên nền tảng văn hóa Phật giáo cho toàn bộ các quốc gia. Và chúng đã làm như vậy vì chúng có giá trị chân thực. Chúng ta muốn đọc chúng vì chúng diễn đạt Chánh pháp, và vì chúng ta có thể cảm nhận Chánh pháp thông qua giọng nói độc đáo của con người. Mỗi dịch giả đều bắt toàn theo cách riêng của họ.

Hiện nay, việc dịch các văn bản Phật giáo đang diễn ra nhanh hơn bao giờ hết. SuttaCentral đang lưu trữ khoảng 500 MB bản dịch và chúng tôi chỉ là một trong nhiều dự án. Công việc này còn lâu mới hoàn thành và nhiều văn bản vẫn chưa được dịch: các luận thư tiếng Pali, cũng như

hầu hết các kinh điển tiếng Trung Hoa và tiếng Tây Tạng.

Dịch thuật là công việc gian nan, và đòi hỏi nhiều kỹ năng mà không phải ai cũng có. Nhưng không khó đến vậy, và không có quá ít người có kỹ năng. Tôi đã dịch toàn bộ kinh điển Pali trong vài năm. Tôi chưa bao giờ được đào tạo chính quy về Chánh pháp, cũng không có bất kỳ sự hỗ trợ nào từ các tổ chức. Tôi biết công việc này đòi hỏi những gì. Theo ước tính của tôi, có hàng chục người sử dụng điển đàn này có khả năng dịch kinh điển.

Tôi vẫn còn thấy bí ẩn tại sao chúng ta thấy rất ít nỗ lực trong vấn đề này từ tất cả các định chế lớn, các tu viện, tổ chức, trường đại học. Có hàng ngàn người ở đó và hàng tỷ đô la. Tất cả những gì cần là một số sự lãnh đạo và tập trung.

Bình thường, một dịch giả có thể dịch khoảng 2.000 chữ/ngày. Đó là cách tôi tính toán để có thể hoàn thành các bài kinh Pali. Và đó là cách tôi biết rằng một vài nhóm dịch giả tận tụy có thể dịch các văn bản chưa được dịch trong vòng có thể là một thập niên. Không có gì có thể ngăn cản chúng ta.

Trên thực tế, một số dự án đang được tiến hành [dịch ra tiếng Anh]. Numata có một kế hoạch lâu dài là dịch kinh điển từ tiếng Trung Quốc. 84000 đang tiến hành điều đặn, tạo ra các bản dịch chất lượng cao của các văn bản từ tiếng Tây Tạng. Alex Wynne có kế hoạch dịch các luận thư tiếng Pali. Các dự án này đang được tiến hành và các khoảng trống đang được lấp đầy.

Vậy tại sao chúng ta cần bản dịch máy? Chúng ta đang giải quyết vấn đề gì? Tại sao chúng ta cần chạy ráo riết các máy

tính không lồ trong một tháng để tạo ra một mô hình AI có thể đưa ra một số văn bản tự động tạo dựa trên kinh Phật?

Chúng ta đang giải quyết vấn đề gì?

Ca sĩ kiêm kỹ sư will.i.am đã phát triển cả các công ty khởi nghiệp AI và các chương trình giáo dục. Tạp chí Time đưa tin anh đã trả lời như sau:

.

[Trích] => “Khoản đầu tư mà xã hội đã bỏ ra cho AI (trí tuệ nhân tạo) vượt quá khoản đầu tư cho HI, tức là trí thông minh của con người. Nó mất cân bằng đến mức một cách tiềm thức, chúng ta biết rằng chúng ta chưa đầu tư vào tuổi trẻ, vào cộng đồng của mình. Chúng ta chưa đầu tư vào nhân loại để theo kịp các cỗ máy thông minh. ... Thật khó để gây quỹ cho trẻ em. Thật vô nhân đạo, đó thậm chí là một sự thật. Tại sao lại khó để gây quỹ cho giáo dục đến vậy? Điều đó khiến tôi trần trọc cả đêm — Tôi không hiểu nổi.” [hết trích]

.

Công việc đã được thực hiện để tạo ra các văn bản kỹ thuật số được thực hiện từ lòng tin. Văn bản Pali mà SuttaCentral sử dụng cuối cùng bắt nguồn từ công trình của Viện nghiên cứu Vipassana Research Institute ở Pune, Maharashtra. Đó là một trong những khu vực nghèo nhất trên thế giới, nơi cộng đồng Phật tử bao gồm những người Dalit. Những người này trước đây là những kẻ bị ruồng bỏ khỏi xã hội Hindu, dưới mức thấp nhất của những người thấp kém, những nô lệ bị khinh miệt mà sự tồn tại của họ không chỉ được biện minh cho hợp lý mà còn là yêu

cầu của Thượng Đế. Họ đã tìm thấy sự tự do thông qua công trình của Tiến sĩ Ambedkar, người đã dạy họ rằng Đức Phật đã chỉ ra một con đường để họ nâng cao bản thân. Bây giờ, có những Phật tử khuynh hướng Amedkarite ở đây tại Sydney, chủ yếu làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin, những người bạn và tín đồ được cộng đồng Phật tử coi trọng.

Và chúng tôi tại SuttaCentral, cũng như hầu hết các dự án Pali khác trên thế giới, đều dựa vào công việc của những người đó mỗi ngày. Bạn có thể tưởng tượng họ đã làm việc với những gì ở Pune vào những năm 1990s không? Đối với họ, điều đó hẳn là rất tuyệt vời. Tôi hình dung họ đã có được một mớ máy tính, và những người tình nguyện ngôi và gõ trên đó. Chắc hẳn là rất nhiều người! Làm một điều gì đó có ý nghĩa như vậy, cùng nhau tạo ra một điều gì đó tuyệt vời; Tôi tự hỏi điều này đã thay đổi cuộc sống của những người đã làm điều này như thế nào? Lạch cách trên những chiếc máy tính cũ kỹ từ những năm 90s, làm công việc vẫn có giá trị như ngày nay.

Không có quá nhiều thay đổi theo một số cách, vì các tu sĩ và tín đồ Phật giáo vẫn đang làm việc, cung cấp lao động tình nguyện vì lòng tin. Công việc này được thu thập và sử dụng bởi các công cụ AI, mà [các công ty AI] không bao giờ có ý định trả lại bất cứ thứ gì.

SuttaCentral đi tiên phong trong việc sử dụng giấy phép CC0 tự do, miễn trừ mọi loại hạn chế pháp lý đối với việc sử dụng các văn bản của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cũng lưu ý rằng các văn bản nên được sử dụng "theo các giá trị và nguyên tắc của cộng đồng Phật giáo". Điều kiện này cổ tình viết mơ hồ. Nhưng các giá

trị và nguyên tắc đó là gì?

Một trong số đó là sự bố thí (dāna). Không một Phật tử truyền thống nào nghĩ đến việc sử dụng một ngôi chùa, lấy những cuốn sách được tặng miễn phí của họ và học hỏi từ Tăng đoàn mà không đền đáp lại gì. Bất kỳ Phật tử nào cũng có thể nói với bạn rằng Tăng đoàn cung cấp bố thí pháp ("món quà của giáo pháp"), trong khi cộng đồng cư sĩ cung cấp lại cúng dường ("món quà hỗ trợ vật chất"). Điều này có thể có nhiều hình thức: một khoản đóng góp khi nghe giảng; một sự cúng dường thực phẩm; giúp đỡ công việc trong tu viện; tình nguyện cho tổ chức, v.v. Nhưng chúng ta sẽ không bao giờ chỉ nhận mà không cho. Điều đó không thích nghi.

Nhưng đó là những gì họ làm. Họ lấy đi và lấy đi và họ không bao giờ trả lại một thứ gì. Những dự án này đã sử dụng công sức của chúng tôi trong nhiều năm, và chúng tôi chưa bao giờ nhận lại được thứ gì. Các tổ chức phương Tây giàu có đang nuốt chửng công sức của Phật tử. Về cơ bản, điều này phá vỡ truyền thống Phật giáo, vi phạm sự cân bằng mà Đức Phật đã thiết lập, và nhờ đó cộng đồng Phật giáo đã phát triển trong 2.500 năm.

Điều chúng ta nên làm là nuôi dưỡng con người. Chúng ta nên đào tạo các học giả và dạy ngôn ngữ. Và điều này nên được thực hiện trong bối cảnh đúng nghĩa Chánh pháp: không chỉ là học bổng hàn lâm vô nghĩa, mà là nền giáo dục sống thực sự, khai thác tiềm năng và tài năng tâm linh của con người. Nền giáo dục dựa trên sự thật và đức tin. Học sinh nên được dạy, không chỉ ngữ pháp và ý nghĩa của các văn bản cô, mà còn là nghệ thuật viết văn biểu hiện và có ý nghĩa, đây là phần khó nhất của công việc

dịch thuật. Chúng ta cần những nhà lãnh đạo có thể truyền cảm hứng cho mọi người, và chúng ta cần nguồn tài trợ và sự hỗ trợ của tổ chức.

Điều gì xảy ra khi bạn làm điều này khá đáng chú ý. Bởi vì sự khác biệt quan trọng nhất giữa một "bản dịch" máy và một bản dịch của con người không nằm ở những chữ đưa ra. Đó là một bên là máy, và một bên là con người. Khi một người làm công việc này, họ dành cả ngày để đọc những lời trong kinh điển, tiếp thu chúng và tìm cách diễn đạt chúng. Công việc của họ mang tính khám phá và tích hợp. Nó thay đổi họ. Nó không thể không thay đổi họ.

Tôi là một người khác hơn so với trước khi tôi dịch kinh. Nhìn xem, có thể tôi không phải là một người vĩ đại; hầu hết những ngày tôi đấu tranh để trở thành một người khá tốt. Tôi có những khoảnh khắc của mình. Nhưng, bạn nên biết tôi trước đó! Những câu nói giỡn của tôi thậm chí còn tệ hơn! Mỗi ngày, sự hiểu biết mà tôi đã học được đều giúp ích cho tôi. Nó giúp ích cho việc thiền định của tôi và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của tôi. Nó giúp ích cho việc giảng dạy và giao tiếp của tôi. Tôi đã học ở cấp độ sâu sắc, và nhiều vấn đề mà tôi thấy các học sinh trẻ hơn phải vật lộn với chỉ là những vấn đề đã được giải quyết đối với tôi.

Đó là những gì bạn làm khi bạn có công trình phiên dịch là con người. Bạn tạo ra những con người tốt hơn, thẳng hoa hơn. Hãy nhìn vào những đóng góp của các tu sĩ như các Tôn giả Bodhi hay Analayo hay Brahmali. Công việc phiên dịch của họ là một phần cuộc sống của họ và là một phần con người mà họ đã trở thành. Nó nâng cao họ, thẳng hoa họ, và nó nâng cao tất

cả chúng ta.

Điều này không bao giờ có thể xảy ra từ một bản dịch máy. Máy làm cho mọi thứ trở nên quá dễ dàng. Nó đưa ra một câu trả lời, dường như giải quyết mọi vấn đề khó khăn. Nhưng tất nhiên là không. Nó chỉ giả vờ như các vấn đề không tồn tại.

Những việc này cần thời gian. Tôi thường làm việc khá nhanh. Bài viết này bạn đang đọc, tôi đã viết trong vài giờ, cộng thêm một chút thời gian chỉnh sửa. Nhưng tôi sẽ dành một ngày, đôi khi là nhiều ngày, chỉ để sửa đúng một chữ của tiếng Pali [khi dịch kinh]. Hầu hết câu trả lời thông thường là ổn, và tôi có thể chỉ cần bám vào những gì mọi người đều biết. Nhưng tôi không thể làm vậy. Có một sự kích thích trong đầu tôi không cho phép tôi làm vậy. Nó ngủi thây mùi khi có điều gì đó không ổn. Khi tôi nói, "Được rồi, đủ tốt rồi" và tiếp tục, nó im lặng một lúc, rồi quay lại cắn nhằn tôi. Nó sẽ không nghỉ ngơi cho đến khi tôi đi đến tận cùng [bản dịch kinh].

Khi bạn có thể có được bất kỳ bản dịch nào được tạo ra bởi một dàn máy như vậy, nó làm hạ cấp tính nhân văn của người dịch. Đây là lý do tại sao, trên khắp thế giới, những người sáng tạo đang phản đối AI. Các nhà báo, nghệ sĩ, diễn viên, tác giả, họa sĩ, nhiếp ảnh gia, nhà làm phim, nhạc sĩ. Tất cả họ đều thấy tác phẩm của mình bị các công cụ AI này nuốt chửng, sau đó chúng lại nhả ra một bản sao nửa vời của sự sáng tạo.

Có người đã gửi cho Nick Cave một ca khúc do ChatGPT sáng tác "theo phong cách của Nick Cave". Nhạc sĩ này đã trả lời trên Red Hand Files của anh:

.

[Trích] => “Tôi hiểu rằng ChatGPT vẫn còn trong giai đoạn sơ sinh nhưng có lẽ đó là nỗi kinh hoàng mới hiển lộ của AI – rằng nó sẽ mãi mãi trong giai đoạn sơ sinh, vì nó sẽ luôn phải đi xa hơn nữa, và hướng đi luôn luôn hướng về phía trước, luôn luôn nhanh hơn. Nó không bao giờ có thể bị đảo ngược, hoặc chậm lại, vì nó đưa chúng ta đến một tương lai không tưởng, có thể, hoặc tới sự hủy diệt hoàn toàn của chúng ta. Ai có thể nói được điều nào? Tuy nhiên, phán đoán rằng bài hát này 'theo phong cách của Nick Cave', thì nó có vẻ không ổn, Mark ạ. Ngày tận thế đang đến rất gần. Bài hát này hỏng rồi.

“Trong trường hợp này, ChatGPT là sự sao chép như một trò hề. ChatGPT có thể viết một bài diễn văn hoặc một bài tiểu luận hoặc một bài giảng tôn giáo hoặc một cáo phó nhưng không thể tạo ra một bài hát chơn thực. Có lẽ theo thời gian, nó có thể tạo ra một bài hát mà trên bề mặt, không thể phân biệt được với bản gốc, nhưng nó sẽ luôn là một bản sao, một kiểu làm hề giễu nhại.

“Các bài hát sinh khởi từ đau khổ, ý tôi muốn nói rằng các bài hát dựa trên cuộc đấu tranh nội tâm phức tạp của con người trong quá trình sáng tạo và, theo như tôi biết, các thuật toán không hề có cảm thọ. Dữ liệu kỹ thuật số thì không đau khổ. ChatGPT không có nội tâm, nó không nơi đâu cả, không chịu đựng được điều gì, không có sự táo bạo để vượt qua những giới hạn của mình và do đó, nó không có khả năng chia sẻ trải nghiệm siêu việt, vì nó không có giới hạn nào để vượt qua. Vai trò buồn thảm của ChatGPT là nó được định sẵn để bắt chước và không bao giờ có thể có kinh nghiệm chơn thực của con người, bất kể kinh nghiệm của con người có thể trở

nên mất giá và tầm thường đến mức nào theo thời gian.” [hết trích]

Một nhạc sĩ sáng tác biết điều này. Tại sao chúng ta không thể thấy điều đó?

Vấn đề của chúng ta không phải là chúng ta không có đủ bản dịch. Mà là chúng ta đã mất niềm tin vào con người. Phật tử trong quá khứ, với tín tâm của mình, đã dành hết tâm trí và trái tim vào công việc biên dịch kinh điển, tạo ra một thứ gì đó huy hoàng tồn tại qua hàng thiên niên kỷ. [Vây mà] Chúng ta bấm một nút và tạo ra thứ vô dụng từ một dàn máy.

Tại sao không phải cả hai? Tại sao không coi bản dịch máy là một giải pháp tạm thời “đủ tốt” để đáp ứng một số nhu cầu cơ bản, đồng thời tài trợ cho các bản dịch thực sự. Tại sao không phải cả hai, thực sự vậy.

Tại sao không phải là cả ngựa và xe kéo, và xe chạy bằng xăng? Tại sao không phải là cả thư giấy và email? Tại sao không phải là cả điện thoại cố định và điện thoại di động? Tại sao không phải là cả cửa tiệm góc phố và Amazon?

Điều chúng ta đã học được, hết lần này đến lần khác, là mọi người sẽ không sử dụng những gì tốt nhất, họ sẽ sử dụng những gì có sẵn. Và những gì có sẵn là các thiết bị có màn hình. Và mọi công ty công nghệ lớn đều dành hàng tỷ đô la để đào sâu AI vào mức sâu nhất có thể. Nó ở đó, cho dù bạn có thích hay không.

Khi chúng ta, với tư cách là một cộng đồng Phật giáo, thực hiện các dự án AI của riêng mình, chúng ta đang cho những

kẻ thống trị AI mượn tiếng nói của mình. Hãy nói những gì bạn muốn, hãy làm mọi thứ khác đi nếu bạn có thể, nhưng thông điệp vẫn như vậy. AI thực sự tốt và bản dịch máy cũng tốt đối với cộng đồng Phật giáo.

Tại sao trong khi các nghệ sĩ và ca sĩ, các nhà báo và nhà thơ đang đấu tranh để giữ lại nhân tính của họ, chúng ta lại cho đi nhân tính của mình?

Chúng ta đã mất lòng tin nào khiến chúng ta rơi vào tình trạng như vậy?

.... O

AI-3: Không có con đường nào từ đây tới đó

=> **Ghi chú:** Tôi đã viết lại bài tiểu luận này sau khi nhận được phản hồi trong phân bình luận. Cảm ơn tất cả các bình luận viên! [hết ghi chú]

Trong vài bài tiểu luận gần đây, tôi đã xem xét việc sử dụng AI khi áp dụng vào các văn bản Phật giáo. Tất nhiên, đây chỉ là một tập hợp phụ cực kỳ nhỏ của một ngành công nghiệp lớn hơn nhiều. Từ bây giờ, tôi sẽ xem xét bức tranh toàn cảnh về ngành công nghiệp AI nói chung, triết lý của nó, con người của nó, mục đích và tác động của nó.

Người ta có thể đồng ý với bản chất có vấn đề của toàn bộ ngành, nhưng vẫn chấp nhận rằng các ứng dụng chuyên biệt là hợp lý. Chúng ta có thể làm chút ít ở đây, và nó không thực sự liên quan gì đến những gì các công ty lớn đang làm. Rõ ràng là có điều gì đó trong việc này, và có sự khác biệt về mặt đạo đức trong mục đích mà công việc được thực hiện. Nhưng ranh giới không bao giờ rõ ràng như chúng ta mong muốn. Các

công ty lớn có AI đang cung cấp năng lượng cho các cuộc tấn công quân sự cũng đang tài trợ cho AI tại các trường đại học lớn để thực hiện nghiên cứu cơ bản. Bạn có thể làm việc trên dự án AI nhỏ của mình, nhưng các công ty lớn thực sự muốn tràn ngập bạn.

Đây không phải là ngẫu nhiên. Đây là hệ quả của bản chất cơ bản của lĩnh vực này: hiệu quả của AI phụ thuộc vào quy mô. Càng phát triển, AI càng lớn, càng khó thực hiện bất kỳ công việc nào có quy mô của con người. Và đó là lý do tại sao AI ngày càng bị độc quyền bởi cùng một số ít tập đoàn. Theo cách này, nó tương tự như tiền điện tử, cũng bắt đầu với các hoạt động khai thác tầng hầm quy mô nhỏ, và khi trở nên phổ biến, nó đã trở thành một hệ thống toàn cầu của các trang trại máy chủ công nghiệp.

Nhưng chúng ta hãy quay lại ý tưởng cơ bản của chính ý tưởng về AI: họ muốn xây dựng một trí óc máy móc. Thật không may, lĩnh vực AI không có khái niệm rõ ràng về ý thức. Họ, nhìn chung, là những người theo chủ nghĩa duy vật, những người tin rằng ý thức xuất hiện từ hoạt động của não. Và họ nghĩ rằng nếu họ tạo ra một đàn máy đủ giống não, nó sẽ trở nên có ý thức. Tất nhiên, Phật giáo không phải là một hình thức duy vật, và chúng ta bác bỏ quan niệm rằng ý thức phát sinh từ hoạt động của não. Đây là một khái niệm triết học không được khoa học xác định. Do đó, triết học Phật giáo, dưới bất kỳ hình thức nào, phải bác bỏ tiền đề cơ bản của toàn bộ dự án AI.

Alan Turing đã nói về việc máy móc có thể “suy nghĩ” hay không. Ngày nay, người ta nói về máy móc “lý luận” hoặc sử dụng “trí

thông minh”. Không có định nghĩa rõ ràng nào về những thuật ngữ này, và sự dai dẳng của việc, một mặt, hoàn toàn không thể nói được chúng đang cố gắng đạt được điều gì, và mặt khác, dành hàng nghìn tỷ đô la để đạt được điều đó, là triệu chứng của lỗi suy nghĩ ảo tưởng trong lĩnh vực AI..

Mới ngày hôm nay, báo The Guardian đưa tin rằng Elon Musk tuyên bố:

[Trích] => “Tôi đoán rằng chúng ta sẽ có AI thông minh hơn bất kỳ con người nào vào khoảng cuối năm sau.” [hết trích]

Bằng cách không định nghĩa “thông minh hơn”, ông [Musk] đã xóa bỏ ảo tưởng về kiểu suy nghĩ này. Con người có nhận thức, còn máy móc thì không. Chúng ta đều biết rằng máy móc có thể làm một số việc tốt hơn con người. Máy tính Texas Instrument của tôi vào những năm 70s có thể tính toán tốt hơn tôi. Nhưng không có việc nào trong số những việc mà máy móc làm đó có liên quan gì đến ý thức. Musk nói tiếp:

[Trích] => “Nếu tôi có thể bấm nút tạm dừng AI hoặc siêu trí tuệ kỹ thuật số AI thực sự tiên tiến thì tôi sẽ làm. Có vẻ như điều đó không thực tế nên về cơ bản xAI sẽ xây dựng một AI. Theo một cách tốt, hy vọng là vậy.” [hết trích]

Có ngành công nghiệp nào khác từng phát triển bằng cách nói với mọi người rằng đó là một ý tưởng tồi, nhưng chúng ta sẽ cố gắng không làm cho nó tốt, "một cách hy vọng"?

Đức Phật đã nói điều gì đó về kiểu suy nghĩ này.

[Trích] => “Này Potṭhapāda, giả sử rằng có

người nói rằng: ‘Bất kỳ người phụ nữ đẹp nhất trong xứ là ai, thì đó chính là người tôi muốn, người tôi mong muốn!’ Họ sẽ nói với anh ta, ‘Thưa ông, người phụ nữ đẹp nhất trong xứ mà ông mong muốn—ông có biết cô ta là một nhà quý tộc, một bà la môn, một nông dân hay một người hầu không?’ Khi được hỏi điều này, anh ta sẽ nói, ‘Không.’ Họ sẽ nói với anh ta, ‘Thưa ông, người phụ nữ đẹp nhất trong xứ mà ông mong muốn—ông có biết tên hay gia tộc của cô ấy không? Cô ấy cao hay thấp hay trung bình? Da của cô ấy đen, nâu hay nâu vàng? Cô ấy đến từ làng nào, thị trấn nào, hay thành phố nào?’ Khi được hỏi điều này, ông ta trả lời, ‘Không.’ Họ nói với ông ta, ‘Thưa ông, ông có mong muốn một người mà ông chưa từng biết hoặc nhìn thấy không?’ Khi được hỏi điều này, ông ấy trả lời, ‘Có.’ Ông nghĩ sao, này Potṭhapāda? Nếu vậy, lời tuyên bố của người đàn ông đó không có cơ sở chứng minh được sao?” (Kinh Trường Bộ DN 9 Potṭhapādasutta) [hết trích]

Ngược lại, Phật giáo sơ kỳ (Early Buddhism) có một quan niệm rõ ràng về tâm. Và nếu đúng như vậy, nó hoàn toàn loại trừ khả năng có ý thức theo con đường mà các tín đồ AI tưởng tượng ra. Quan niệm này không được thiết lập bởi quá trình giả khoa học quét não và đưa ra các tương quan tinh thần. Nó phát sinh từ sự phản chiếu bên trong được đào sâu thông qua thiền định và được hướng dẫn bởi kiến thức về lời dạy của Đức Phật. Quá trình này bộc lộ các lớp và sắc thái của tâm, cho phép người tu thiền phát triển sự hiểu biết không chỉ mang tính lý thuyết mà còn thực tế và hiệu quả. Giống như bất kỳ sự hiểu biết thực sự nào, nó có hiệu quả: khi bạn hiểu được tâm, bạn có thể buông bỏ.

Chúng ta hãy cùng khám phá sơ lược về quá

trình này. Theo quan điểm Phật giáo sơ kỳ, hoạt động của tâm được hiểu liên quan đến nhận thức chủ quan hoặc ý thức (viññāṇa: consciousness). Ý thức này phát sinh phụ thuộc vào sự kích thích của căn, với tâm là căn thứ sáu nhận thức được những suy nghĩ, ý tưởng và ký ức.

Vì viññāṇa là ý thức về các hiện tượng khác, nó thiếu các phẩm chất của những thứ đó nhưng nó bị ảnh hưởng bởi chúng. Nghĩa là, ý thức tự thân nó không phải là đỏ hay trắng, không ngọt hay chua, không sân giận hay tham lam hay khôn ngoan. Tuy nhiên, với tư cách là nhận thức chủ quan về những thứ này, nó phản ánh các phẩm chất của chúng, như một tấm gương phản chiếu màu đỏ mà thực tế gương không trở thành màu đỏ.

Tất nhiên, nó không thiếu những phẩm chất riêng của nó. Bản chất của nó như một hiện tượng có điều kiện là phải nhận thức, và nó có thể nhận thức nhiều hay ít, sáng và rõ, hoặc mờ đục. Theo cách này, nó không giống như một tấm gương, phản chiếu ánh sáng mà không bị thay đổi bởi ánh sáng. Viññāṇa luôn thay đổi.

Chúng ta chứng kiến một chuyển đổi lớn của ý thức cứ mỗi khi chúng ta ngủ thiếp đi: cái biết mờ dần đến gần như là bóng tối, một cõi mơ mà nơi đó logic và lý tính đã trốn khỏi. Hoặc ngay cả giấc ngủ sâu hơn, trợn vện, nơi sự phản bội duy nhất của ý thức xảy ra nếu chúng ta thức dậy. Và sau đó chúng ta thấy sự leo thang dần của cái biết trở lại vào ánh sáng ban ngày khi chúng ta lấy lại khả năng nhận thức, có thể phân biệt mọi thứ xung quanh mình. Và khi ý thức trở lại, thì tất cả những thứ đi kèm cũng vậy. Và chúng ta suy nghĩ, mong muốn, ngạc nhiên và bắt đầu một ngày khác.

Khi tâm tràn ngập lòng tham, điều đó ảnh hưởng đến cách mà ý thức của chúng ta nhận biết. Thật khó để mô tả những điều như vậy, một lý do cho điều đó là nó luôn khác nhau vì những tham muốn luôn luôn khác nhau. Cái tham ái dục của một cậu thiếu niên không giống với cái tham tiền bạc của một giám đốc điều hành. Tuy nhiên, chúng có chung một phẩm chất là hạn chế và thu hẹp ý thức, nhưng lại tiếp thêm năng lượng cho nó theo một hướng cụ thể.

Trong lý duyên khởi, yếu tố điều kiện chính cho ý thức là saṅkhārā [hành, lựa chọn], ở đây chỉ đến các lựa chọn đạo đức. Khi chúng ta chọn làm điều thiện, nó sẽ hướng tâm theo một hướng nhất định, định hình ý thức. Khi chúng ta chọn làm điều ác, nó sẽ tạo ra một loại tâm khác với những trải nghiệm khác. Nếu chúng ta có thói quen chọn điều ác, tâm chúng ta sẽ mang những phẩm chất xấu xa đó, trở nên đòi trụy và thoái hóa, thiếu lòng từ bi và trí tuệ. Nếu chúng ta làm điều thiện, chúng ta sẽ tạo ra một tâm cởi mở và sáng suốt. Đây là nguyên tắc cơ bản nằm sau mọi thiện định của Phật giáo. Nếu chúng ta muốn tạo ra một tâm thế nào, thì đạo đức phải là bước đầu: nó phải là đặc tính quyết định. Đó là cách bạn tạo ra, không chỉ là một tâm, mà là một tâm lành mạnh. Có nhiều cách khác để tạo ra sự tan vỡ hơn là sự lành mạnh.

Ý thức là một căn hữu cơ của sự nhận biết. Nó không hiện hữu một mình tự nó—không có thứ gì như ý thức thuần túy tách biệt khỏi các chiểu khác của tâm. Thay vào đó, ý thức là chức năng chủ quan của tâm, được tạo ra và hỗ trợ kết hợp với các khía cạnh như cảm giác (thọ), nhận thức (tưởng), ý định và sự chú ý. Các yếu tố này không thể tách rời và chúng luôn diễn ra theo một dòng

tương thuộc lẫn nhau. Ý thức hiện diện từ khi sinh ra, và phát triển và tiến hóa trong suốt cuộc đời, để đáp ứng với các kinh nghiệm và để thỏa mãn các tham muốn. Thậm chí còn hơn thế nữa, nó [thức] là một dòng suối chảy từ kiếp này sang kiếp khác, mang lại sự liên tục trong đó cái thay đổi mạnh mẽ nhất là cái chết.

Ý thức là thứ vi tế nhất, khó nắm bắt nhất, nhưng lại phổ biến khắp mọi nơi trong tất cả những thứ có điều kiện [hữu vi]. Nó ở đó khi bạn nằm muôi, khi bạn ngủ, khi bạn chết. Khi thiền định đi sâu hơn, ý thức bắt đầu bộc lộ chính nó như một tiếng vọng hoặc một sự phản chiếu, hay tốt hơn, như một thoáng chuyển động trong sự phản chiếu. Nó có sự mềm mại, dịu dàng và phản ứng vượt trội mà nó thường che giấu khỏi chúng ta. Ý thức muốn biết, không muốn được biết đến. Tuy nhiên, có điều gì đó về nó, sâu thẳm bên trong, khao khát được hiểu.

Đó là thành trì cuối cùng của Tự ngã, nơi ẩn náu mà chúng ta bám víu khi đã nhìn thấu mọi mảnh khoe và sự lừa dối khác. Nhưng nó [thức] cũng trống rỗng, giống như ảo ảnh của một nhà ảo thuật.

Một khi chúng ta hiểu được ý thức theo cách này, rõ ràng là không thể đi từ “suy nghĩ” [niệm] đến “ý thức”. Bạn không thể bắt đầu bằng cách ghép các bit và mảnh lại với nhau để rồi ý thức mới nhảy ra hiển lộ. Suy nghĩ hoặc trí tưởng tượng hoặc lý luận không thể hiện hữu nếu không có ý thức. Tất cả chúng đều có ngay từ đầu. Nhưng còn tệ hơn thế nữa, bởi vì một đàn máy không có “suy nghĩ” [niệm] hoặc “trí nhớ”, nó có thứ gì khác cũng có cùng tên.

Khi chúng ta nói về một đàn máy có “trí nhớ”, nó không có cùng khả năng như một

tâm có. Thay vào đó, nó thực hiện một điều hoàn toàn khác, một phần giống với các chức năng mà chúng ta liên kết với trí nhớ, cụ thể là nhớ lại các sự kiện trong quá khứ. Một trong những yếu tố phản bội ở đây là trí nhớ của máy theo vài cách lại tốt hơn trí nhớ của con người: máy có thể sao chép chính xác một cái gì đó, trong khi ý thức thực sự dựa vào sự tái tạo mơ hồ. Điều này cho thấy trí nhớ của máy là một loại khác so với trí nhớ của con người.

(Ghi chú của NG: Trong đoạn kể dưới, ngài Sujato nói về cách chúng ta dùng chung một chữ theo quy ước nhưng khác nghĩa. Thí dụ, Phật tử khi nói chuyện vẫn dùng chữ “tôi” hay “chúng tôi” như đời thường, nhưng đều biết rằng thực chất là vô ngã, không có “cái tôi” nào hết. Phân biệt này để nói về “trí nhớ” hay các sản phẩm của người và máy.)

Chúng ta sử dụng cùng một chữ vì sự tiện lợi, nhưng điều đó đánh lừa chúng ta để nghĩ rằng chúng là cùng một thứ. Đây là cùng một loại nguy hiểm luận lý mà các Phật tử từ xa xưa đã hiểu trong bối cảnh của “cái tôi”. Chúng ta hiểu rằng không có “cái tôi” theo nghĩa là một thực thể siêu hình, trường tồn mà đó là chính con người chúng ta là trong bản chất sâu sắc nhất của mình. Tuy nhiên, chúng ta sử dụng chữ này trong cuộc trò chuyện hàng ngày giống như bất kỳ ai khác. Nhưng với chánh niệm, chúng ta vẫn sáng suốt về những gì chúng ta thực sự đang đề cập đến. Nếu không, khuynh hướng chấp có ngã (ahamkāra) ăn sâu trong chúng ta sẽ nhanh chóng dẫn chúng ta đến sự bám víu mù quáng vào những hoang tưởng siêu hình của mình.

Điều tương tự cũng áp dụng cho, ví dụ, bài tập về logic. Khi bạn hoặc tôi thực hiện phép toán cộng, có một tiến trình ý thức diễn ra.

Một dàn máy có thể thực hiện cùng một phép tính, sử dụng một kiểu tiến trình hoàn toàn khác. Tuy nhiên, về mặt chức năng, chúng ta mô tả cả hai theo cùng một cách như đã "giải" xong bài toán. Một lần nữa, sự khác biệt được hiển lộ ra vì một máy tính đơn giản có thể thực hiện bài toán nhanh hơn và chính xác hơn chúng ta, nhưng rõ ràng là nó không có ý thức.

Các dàn máy không nhớ, chúng mô phỏng trí nhớ. Chúng không nhận ra sự vật, chúng mô phỏng sự nhận dạng. Chúng không suy nghĩ, chúng mô phỏng sự suy nghĩ. Về mặt bên ngoài, những quá trình này có vẻ giống nhau ở một mức độ nào đó, vì có sự đan xen các chức năng. Nhưng đối với máy móc, tất cả những gì có là bên ngoài. Không có gì bên trong, không có gì từ góc nhìn của máy, không có gì giống như chuyện là một dàn máy. Bạn sẽ không bao giờ có được từ một niệm được mô phỏng, từ trí nhớ được mô phỏng, từ cảm thọ được mô phỏng đến cái ý thức thực sự. Nơi mức tốt nhất, bạn sẽ tạo ra thứ gì đó tốt hơn trong việc đánh lừa nhiều người hơn.

Lịch sử triết học Ấn Độ gắn liền với sự xuất hiện của các nhà hiền triết chiêm nghiệm như Đức Phật. Khi những người vĩ đại và thông thái chỉ ra tính trung tâm của ý thức là chìa khóa giải thoát, người ta lắng nghe, thảo luận và hình thành các triết lý. Sự chú ý của họ được thu hút bởi sức mạnh của trí tuệ sáng suốt, và họ hướng sự chú ý và phát triển tâm của họ theo cùng con đường đó.

AI cũng đang làm điều tương tự, ngoại trừ việc chúng ta bị mê hoặc bởi một sự giả tạo. Sự chú ý của con người trên toàn thế giới đã bị thu hút, những suy nghĩ, nỗi sợ hãi, hy vọng và tưởng tượng của chúng ta bị thu hút

bởi sự xuất hiện của một thứ gì đó quá xa lạ mà dường như giống chúng ta. Chúng ta muốn nó là cái gì thật. Chúng ta muốn trở thành nó. Khi làm như vậy, chúng ta mong muốn xóa bỏ tính chủ quan của chính mình.

Các AI không có ý thức, không hiểu, và không cảm thọ bất cứ những gì. Chúng không được thụ thai trong ái dục, không được nuôi lớn trong yêu thương, không bị dẫn xé bởi lòng căm giận. Chúng chỉ phun ra những dòng dữ liệu.

Những người rao bán AI tin tưởng mù quáng rằng "giới hạn" này sẽ được loại bỏ theo thời gian. Họ nói rằng có một cái gì thường đang đến gần, khi một dàn máy thông minh hơn con người. Họ coi điều này là cần thiết và đáng mong muốn. Elon Musk đã nói, "Tất cả chúng ta sẽ ngu hơn một con mèo trong nhà khi so sánh với AI, nếu điều đó có thể an ủi chúng ta." Hãy nhớ rằng trong cùng một dòng tweet, ông Musk đã ủng hộ khoa học giả tạo về phrenology (Não tướng học) kỳ thị chủng tộc và ưu sinh học, mà tôi đoán ít nhất cũng chứng minh rằng AI đã thông minh hơn một số người.

Nếu chúng ta có thể tạo ra một dàn máy thông minh hơn chúng ta, chắc chắn nó có thể tạo ra một dàn máy khác thông minh hơn chính nó, dẫn đến một vòng xoáy theo cấp số nhân của trí thông minh chỉ bị giới hạn bởi năng lượng, vật liệu và tốc độ ánh sáng. Sau đó, chúng ta sẽ đến với máy tính lượng tử, nơi mà tốc độ ánh sáng chỉ là một hướng dẫn chứ không phải là một quy tắc.

Không có chuyện nào như thế sẽ xảy ra. Đó hoàn toàn là tưởng tượng, không có cơ sở bằng chứng nào. Những gì AI làm không

dính gì đến ý thức. Bất kể dàn máy xử lý dữ liệu lớn đến mức nào cũng không quan trọng; nó chỉ là một dàn máy xử lý dữ liệu.

Nhưng niềm tin rằng điều đó sẽ xảy ra là có thật. Áo tưởng không có bằng chứng này thúc đẩy hy vọng và nỗi sợ hãi của thế hệ chúng ta. Những người ủng hộ AI cố tình lợi dụng điều này, đã khuếch đại nỗi sợ hãi trong khi thổi phồng các khả năng, trong khi vẫn nói dối về trách nhiệm đạo đức và về các hướng dẫn cho đúng luật pháp. Đừng tin họ.

NGUỒN:

-- AI-1: *Let's Make SuttaCentral 100% AI-free Forever*

<https://discourse.suttacentral.net/t/ai-1-let-s-make-suttacentral-100-ai-free-forever/33374>

-- AI-2: *Machine translations of suttas are the wrong solution for the wrong problem*

<https://discourse.suttacentral.net/t/ai-2-machine-translations-of-suttas-are-the-wrong-solution-for-the-wrong-problem/33408>

-- AI-3: *There is no road from here to there*

<https://discourse.suttacentral.net/t/ai-3-there-is-no-road-from-here-to-there/33426>



Giới thiệu về Nguyên Giác Phan Tấn Hải



Tên khai sinh: Phan Tấn Hải

Sinh ngày 22 tháng 2 năm 1952 tại Sài Gòn, Việt Nam.

Học Pháp với quý Hòa Thượng: Thích Tịnh Chiếu, Chùa Tây Tạng, Bình Dương; Thích Thiên Tâm, Đại Ninh, Lâm Đồng; Thích Tài Quang, Phú Nhuận, Sài Gòn.

Đã từng cộng tác với nhiều báo như Tập san nghiên cứu Triết Học (Đại học Văn Khoa, Sài Gòn), Tự Thức, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp chí Thơ, Việt Báo, Tạp chí Giao Điểm, Giác Ngộ và nhiều báo khác.

Đang cư ngụ tại California, Hoa Kỳ.

Góp bài trong một số tuyển tập Văn học nhiều tác giả.

Tác giả, dịch giả một số sách về Phật Giáo:

- *Vài Chú Giải Về Thiền Đốn Ngộ* - 1990
- *Thiền Tập* – Biên dịch
- *Ba Thiền Sư* – Tác giả: John Stevens, Nguyên Giác dịch Việt

- Chú Giải Về Phowa – Tác giả: Chagdud Khadro, Nguyên Giác dịch Việt

- Lời Dạy Tâm Yếu Về Đại Thủ Ấn
- Teachings From Ancient Vietnamese Zen Masters

- Cậu Bé Và Hoa Mai - Tập truyện ngắn

- Ở Một Nơi Gọi Là Việt Nam - Tập thơ

- Teachings and Poetry of the Vietnamese Zen Master Tue Trung Thuong Si (1230-1291)

- Tran Nhan Tong (1258 – 1308): The King Who Founded A Zen School

(Theo Thư viện Hoa Sen)



Đêm nguyệt tịnh

Tuệ Nga

Vườn ai hồng quế ngát hương
Cho đêm nguyệt tịnh tỏa vương ánh ngời
Cho sao lấp lánh, sao cười
Cho thơ thơm ngát điệu vời trăm hương

Bài pháp thí, ý vô thường
Dư âm trong gió, từ luồng gió đêm
Trăng khuya dài ánh bên thềm
Có bông Mai nở trong đêm dịu dàng

Đêm nguyệt tịnh gió thanh thang
Nhiệm màu ánh Đạo trải vàng cõi Thơ
Màu trắng giải thoát, Trăng mơ
Màu trắng vi diệu cho thơ an bình
Trăng khuya soi mảnh vườn xinh
Nghe thơ vào nhạc nghe mình băng khuâng
Đàn đầu lắng khúc phù vân...

Tình như sóng vỗ

Ta lên núi,
học làm Tiên nhân nhục,
mặc thói đời
nhân ngã với thị, phi!
Mây có hẹn,
mà quên về cũng được;
Gió có lay,
trăng nghiêng ngã hề chi!

Ta về biển,
học dã tràng xe cát,
mặc chuyện đời,
Đùa cợt với hư vô!
Biển mênh mông,
đâu ngại bước tang hồ,
Đùa với sóng,
chút tình xao cũng đẹp!

Ta về biển,
học tình yêu của sóng,
Chạm vào bờ,
Trắng xóa cõi hư vô,...!
Ta về biển,
học tình yêu của sóng,
Chạm vào bờ,
làm mây trắng bay đi...!

Tuệ Nguyên



Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368